

**QUY ĐỊNH**

**VỀ THI HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa XI;
- Xét Tờ trình và Báo cáo của Bộ Chính trị tiếp thu, giải trình ý kiến thảo luận của Trung ương tại Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI),

**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG  
QUY ĐỊNH THI HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG**

**1- Điều 1 (khoản 2): Tuổi đời và trình độ học vấn của người vào Đảng**

1.1- Về tuổi đời

- a) Tại thời điểm chi bộ xét kết nạp, người vào Đảng phải đủ 18 tuổi trở lên (tính theo tháng).
- b) Việc kết nạp vào Đảng những người trên 60 tuổi do cấp ủy trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định.

1.2- Về trình độ học vấn.

- a) Người vào Đảng phải có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc tương đương trở lên.
- b) Học vấn của người vào Đảng đang sinh sống ở vùng cao, vùng sâu, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn và những trường hợp cụ thể khác do yêu cầu phát triển đảng mà không bảo đảm được quy định chung thì thực hiện theo Hướng dẫn của Ban Bí thư.

**2- Điều 2 (khoản 1, khoản 2): Trách nhiệm của đảng viên**

Đảng viên phải gương mẫu chấp hành pháp luật của Nhà nước và các quy định, hướng dẫn của Trung ương về những điều đảng viên không được làm.

**3- Điều 3: Về quyền của đảng viên**

3.1- Điều 3 (khoản 1): Quyền được thông tin của đảng viên.

Định kỳ hằng tháng, theo hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Trung ương và cấp ủy cấp trên, các cấp ủy đảng thông tin cho đảng viên về tình hình và nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thời sự trong nước và thế giới phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, đặc điểm của đảng viên, góp phần nâng cao nhận thức, tạo điều kiện cho đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3.2 - Điều 3 (khoản 2): Quyền của đảng viên trong việc ứng cử, đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng.

Thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị.

3.3 - Điều 3 (khoản 3): Quyền của đảng viên trong việc phê bình, chất vấn tổ chức đảng và đảng viên; báo cáo, kiến nghị với cơ quan có trách nhiệm.

Đảng viên được phê bình, chất vấn, báo cáo kiến nghị trực tiếp hoặc bằng văn bản trong phạm vi tổ chức của Đảng về hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên ở mọi cấp, về những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức đảng hoặc chức trách, nhiệm vụ, phẩm chất đạo đức của đảng viên đó; chịu trách nhiệm trước tổ chức đảng về ý kiến của mình. Khi nhận được ý kiến phê bình, chất vấn, báo cáo, kiến nghị, tổ chức đảng và đảng viên có trách nhiệm phải trả lời, chậm nhất là 30 ngày làm việc đối với tổ chức cơ sở đảng và đảng viên; 60 ngày làm việc đối với cấp huyện, tỉnh và tương đương và 90 ngày làm việc đối với cấp Trung ương; những trường hợp phức tạp cần phải kéo dài hơn thời gian quy định trên thì phải thông báo cho tổ chức đảng và đảng viên biết lý do.

3.4 - Đảng viên được thông báo ý kiến nhận xét của cấp uỷ nơi làm việc và nơi cư trú khi xem xét bổ nhiệm, giới thiệu bầu cử; được trình bày ý kiến với tổ chức đảng, cấp uỷ đảng khi xem xét thi hành kỷ luật đối với mình.

#### **4- Điều 4 (khoản 1, khoản 2): Đảng viên giới thiệu người vào Đảng**

Là đảng viên chính thức, cùng công tác, lao động, học tập ít nhất 12 tháng với người được giới thiệu vào Đảng trong cùng một đơn vị thuộc phạm vi lãnh đạo của đảng bộ, chi bộ cơ sở.

Nếu đảng viên giới thiệu người vào Đảng chuyển đến đảng bộ cơ sở khác, bị kỷ luật hoặc vì lý do khác không thể tiếp tục thì chi bộ phân công đảng viên chính thức khác theo dõi, giúp đỡ người vào Đảng (không nhất thiết đảng viên đó cùng công tác, lao động, học tập với người vào Đảng ít nhất 12 tháng).

#### **5- Điều 4 (khoản 1): Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cơ sở, ban chấp hành công đoàn cơ sở giới thiệu đoàn viên vào Đảng**

Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cơ sở hoặc chi đoàn cơ sở xem xét ra “Nghị quyết giới thiệu đoàn viên ưu tú vào Đảng”. Nghị quyết này được gửi kèm theo nghị quyết đề nghị của chi đoàn nơi đoàn viên đang sinh hoạt.

Thủ tục giới thiệu người vào Đảng của ban chấp hành công đoàn cơ sở như thủ tục giới thiệu người vào Đảng của ban chấp hành đoàn thanh niên cơ sở.

#### **6- Điều 4 (khoản 4): Việc kết nạp người vào Đảng ở nơi chưa có đảng viên, chưa có chi bộ**

Cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng giao cho chi bộ có điều kiện thuận lợi nhất để phân công đảng viên chính thức tuyên truyền, giúp đỡ người vào Đảng. Khi có đủ điều kiện và tiêu chuẩn thì chi bộ nơi có đảng viên giúp đỡ người vào Đảng đang sinh hoạt làm thủ tục đề nghị kết nạp theo quy định.

#### **7- Điều 4 và Điều 5: Thẩm quyền quyết định kết nạp đảng viên và xét công nhận đảng viên chính thức**

7.1- Đảng uỷ cơ sở được uỷ quyền kết nạp đảng viên: Do tập thể đảng uỷ cơ sở xem xét, quyết định.

7.2- Cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng, đảng uỷ được giao quyền cấp trên cơ sở: Do ban thường vụ xem xét, quyết định.

7.3- Tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương: Do tập thể thường trực cấp uỷ và các đồng chí uỷ viên thường vụ là trưởng các ban Đảng cùng cấp xem xét, quyết định.

7.4- Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày chi bộ có nghị quyết đề nghị kết nạp, cấp uỷ có thẩm quyền phải xem xét, quyết định đồng ý hoặc không đồng ý và thông báo kết quả cho chi bộ, nếu trễ quá thời hạn trên mà không có lý do chính đáng thì phải kiểm điểm trách nhiệm trước cấp uỷ cấp trên.

7.5- Thời hạn tổ chức lễ kết nạp đảng viên: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định kết nạp đảng viên của cấp uỷ có thẩm quyền, chi bộ phải tổ chức lễ kết nạp cho đảng viên. Nếu trễ quá thời hạn trên phải báo cáo và được cấp uỷ cấp trên trực tiếp đồng ý.

7.6- Trường hợp kết nạp người vào Đảng và công nhận đảng viên chính thức sai quy định.

Cấp uỷ cấp trên, qua kiểm tra, xác minh phát hiện việc kết nạp người vào Đảng và công nhận đảng viên chính thức sai quy định thì xử lý như sau:

a) Nếu quyết định kết nạp người vào Đảng và công nhận đảng viên chính thức không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 1 Điều lệ Đảng, thì chỉ đạo cấp uỷ ra quyết định phải huỷ bỏ quyết định của mình và thông báo cho chi bộ nơi đảng viên sinh hoạt xoá tên trong danh sách đảng viên.

b) Nếu quyết định kết nạp người vào Đảng và công nhận đảng viên chính thức không đúng thẩm quyền và không đúng thủ tục theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Điều lệ Đảng thì phải huỷ bỏ quyết định đó, chỉ đạo cấp uỷ có thẩm quyền làm lại các thủ tục theo quy định và xem xét trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan.

c) Cấp uỷ, tổ chức đảng kết nạp người vào Đảng và công nhận đảng viên chính thức sai quy định phải kiểm điểm trách nhiệm trước cấp uỷ cấp trên.

7.7- Thẩm quyền quyết định kết nạp đảng viên và xét công nhận đảng viên chính thức trong Đảng bộ Quân đội và Đảng bộ Công an Trung ương:

Bộ Chính trị có quy định riêng.

## **8- Điều 4 (khoản 3): Vấn đề lịch sử chính trị và chính trị hiện nay của người vào Đảng**

Thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị.

## **9- Điều 4: Về kết nạp lại người vào Đảng**

9.1- Người được xét kết nạp lại vào Đảng phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có đủ điều kiện và tiêu chuẩn của người vào Đảng quy định tại Điều 1 Điều lệ Đảng.

b) Ít nhất là 36 tháng kể từ khi ra khỏi Đảng (riêng người bị án hình sự ở mức ít nghiêm trọng thì phải sau 60 tháng kể từ khi được xoá án tích), làm đơn xin kết nạp lại vào Đảng; phải được ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ (hoặc tương đương) đồng ý bằng văn bản, cấp uỷ có thẩm quyền (huyện uỷ và tương đương) xem xét, quyết định.

c) Thực hiện đúng các thủ tục nêu ở các khoản 1, 2, 3 Điều 4 Điều lệ Đảng.

9.2- Đối tượng không xem xét kết nạp lại.

Không xem xét, kết nạp lại những người trước đây ra khỏi Đảng vì lý do: Vi phạm lịch sử chính trị và chính trị hiện nay theo quy định của Bộ Chính trị; tự bỏ sinh hoạt đảng; làm đơn xin ra Đảng (trừ trường hợp vì lý do gia đình đặc biệt khó khăn); gây mất đoàn kết nội bộ nghiêm trọng; bị phạt tù vì tội tham nhũng; bị án hình sự từ mức nghiêm trọng trở lên.

9.3- Chỉ kết nạp lại một lần.

9.4- Những đảng viên được kết nạp lại phải trải qua thời gian dự bị.

## **10- Điều 4 (khoản 4): Kết nạp đảng viên trong một số trường hợp đặc biệt**

Bộ Chính trị có quy định riêng.

## **11- Điều 5: Về công nhận đảng viên chính thức và tính tuổi đảng của đảng viên**

11.1- Điều 5 (khoản 2): Thời điểm công nhận đảng viên chính thức

a) Chi bộ phải kịp thời xét công nhận chính thức cho đảng viên khi hết 12 tháng dự bị, nếu không đủ điều kiện công nhận là đảng viên chính thức thì đề nghị lên cấp uỷ có thẩm quyền quyết định xoá tên. Thời hạn từ khi chi bộ có văn bản đề nghị đến khi cấp uỷ đảng có thẩm quyền quyết định công nhận chính thức không được quá 30 ngày làm việc.

b) Đảng viên dự bị đủ điều kiện được công nhận là đảng viên chính thức, dù chi bộ họp chậm, cấp uỷ có thẩm quyền chuẩn y chậm, vẫn được công nhận đảng viên chính thức đúng thời điểm hết 12 tháng dự bị.

c) Trường hợp tổ chức đảng cấp dưới đã qua 3 lần biểu quyết nhưng không đủ 2/3 số đảng viên chính thức hoặc cấp uỷ viên tán thành công nhận một đảng viên dự bị là đảng viên chính thức hoặc đề nghị xoá tên trong danh sách đảng viên, thì báo cáo cấp uỷ cấp trên trực tiếp và cấp uỷ có thẩm quyền xem xét, quyết định.

11.2- Tính tuổi đảng của đảng viên

a) Đảng viên được công nhận chính thức thì tuổi đảng của đảng viên được tính từ ngày ghi trong quyết định kết nạp, trừ thời gian không tham gia sinh hoạt đảng.

Thời gian không tham gia sinh hoạt đảng là: Thời gian bị khai trừ (kể cả khai trừ có thời hạn theo quy định của Điều lệ Đảng khoá II), thời gian bị xoá tên, thời gian mất liên lạc với tổ chức đảng và thời gian gián đoạn do chuyển sinh hoạt đảng.

b) Đảng viên kết nạp lại được công nhận chính thức thì tuổi đảng của đảng viên được kết nạp lại được tính từ ngày ghi trong quyết định của đảng viên đó được kết nạp lần đầu, trừ thời gian không tham gia sinh hoạt đảng (trường hợp đặc biệt do Ban Bí thư xem xét, quyết định).

c) Việc tính tuổi đảng của đảng viên thực hiện theo Hướng dẫn của Ban Bí thư.

## **12- Về đảng tịch của đảng viên**

12.1- Thẩm quyền giải quyết vấn đề đảng tịch của đảng viên (việc thẩm tra, kết luận về đảng tịch của đảng viên, việc công nhận là đảng viên, khôi phục quyền đảng viên, xoá tên đảng hoặc cho nổi lại sinh hoạt đảng viên của đảng viên).

a) Đối với đảng viên là cán bộ diện Trung ương quản lý, thì uỷ quyền Ban Tổ chức Trung ương xem xét, giải quyết.

Trường hợp ý kiến của cấp uỷ trực thuộc Trung ương khác với kết luận của Ban Tổ chức Trung ương thì báo cáo Ban Bí thư xem xét, quyết định.

b) Đảng viên là cán bộ diện tỉnh uỷ và tương đương quản lý thì ban thường vụ tỉnh uỷ và tương đương xem xét, quyết định.

c) Đảng viên không thuộc diện nêu trên thì ban thường vụ huyện uỷ và tương đương xem xét, quyết định.

12.2- Giải quyết vấn đề đảng tịch của đảng viên

a) Không đặt ra việc xem xét lại đối với những đảng viên có vấn đề về đảng tịch đã được cấp uỷ có thẩm quyền xem xét, kết luận trước đây là không phát hiện thêm vấn đề gì mới.

b) Chỉ xem xét, khôi phục quyền đảng viên và tính tuổi đảng liên tục đối với những người bị đưa ra khỏi Đảng đã được cấp có thẩm quyền thẩm tra, xác minh, kết luận là bị oan và từ khi bị đưa ra khỏi Đảng đến nay không vi phạm tư cách đảng viên.

c) Đảng viên được kết nạp trước Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng (ngày 05-9-1960) và trước ngày 30-4-1975 (ở các địa phương từ phía nam sông Bến Hải trở vào) mà lúc kết nạp vào Đảng chưa đủ 18 tuổi thì ngày vào Đảng được giữ nguyên.

d) Đảng viên được kết nạp vào Đảng trong kháng chiến chống Pháp từ tháng 7-1954 trở về trước và đảng viên được kết nạp trong kháng chiến chống Mỹ ở các địa phương từ phía nam sông Bến Hải trở vào (từ tháng 7-1954 đến tháng 12-1973) nếu chỉ có một người giới thiệu vào Đảng thì vẫn được công nhận đảng tịch.

đ) Những đồng chí trước đây đã vào Việt Minh hay một tổ chức quần chúng cách mạng hoạt động bí mật (từ tháng 02-1951 trở về trước), sau đó được tham gia sinh hoạt chi bộ, thì lấy ngày sinh hoạt chi bộ là ngày kết nạp vào Đảng.

e) Những đồng chí hoạt động trong kháng chiến chống Pháp (từ tháng 7-1954 trở về trước) và trong kháng chiến chống Mỹ (từ tháng 7- 1954 đến 30-4-1975) từ phía nam sông Bến Hải trở vào, chưa được kết nạp vào Đảng nhưng đã được tổ chức đảng giao nhiệm vụ của người đảng viên như làm công tác tuyên truyền phát triển đảng viên hoặc tham gia việc thành lập chi bộ, thì lấy ngày chi bộ giao nhiệm vụ làm công tác tuyên truyền phát triển đảng viên hoặc ngày tham gia lập chi bộ là ngày kết nạp vào Đảng. Đối với trường hợp chỉ là quần chúng cảm tình đảng, được tổ chức đảng giao một số việc để thử thách (như giao liên hoặc theo dõi tình hình địch...), chưa được kết nạp vào Đảng, nhưng ngộ nhận mình đã vào Đảng, sau đó được tổ chức đảng cho sinh hoạt, được rèn luyện thử thách, xét có đủ tư cách đảng viên thì được công nhận là đảng viên từ ngày tham gia sinh hoạt đảng.

g) Những đảng viên có nghi vấn không được tổ chức đảng kết nạp vào Đảng thì phải xem xét kỹ, sau khi thẩm tra, thấy có đủ căn cứ kết luận là đã được tổ chức kết nạp vào Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng; hoặc đúng với quy định tại những điểm nêu trên và từ đó đến nay vẫn tham gia sinh hoạt đảng, giữ gìn được tư cách đảng viên thì cấp uỷ có thẩm quyền công nhận là đảng viên. Nếu có đủ căn cứ kết

luận người đó mạo nhận là đảng viên thì cấp uỷ có thẩm quyền quyết định xoá tên trong danh sách đảng viên.

h) Những đảng viên không tham gia sinh hoạt đảng do gián đoạn sinh hoạt đảng, sau khi đã thẩm tra, thấy có đủ căn cứ và chứng lý rõ ràng, nếu nội dung vi phạm là do chính bản thân gây ra thì không nói lại sinh hoạt đảng; nếu nội dung vi phạm không phải do chính bản thân gây ra và được chi bộ, cấp uỷ cơ sở nơi công tác hoặc nơi ở xác nhận vẫn thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, giữ gìn được phẩm chất đạo đức trong thời gian không tham gia sinh hoạt đảng, thì được xét nói lại sinh hoạt đảng.

### **13- Điều 6: Phát thẻ và quản lý thẻ đảng viên, quản lý hồ sơ đảng viên và thủ tục chuyển sinh hoạt đảng**

#### 13.1- Phát thẻ và quản lý thẻ đảng viên

a) Thẻ đảng viên được phát cho đảng viên chính thức, chi bộ tổ chức phát thẻ cho đảng viên trong kỳ sinh hoạt chi bộ gần nhất, sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền.

b) Đảng viên được nhận thẻ đảng viên phải thực hiện đúng những quy định về sử dụng và bảo quản thẻ đảng viên, khi mất hoặc làm hỏng thẻ đảng viên phải báo cáo ngay với cấp uỷ để xét cấp lại hoặc đổi thẻ đảng viên.

c) Cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng xét, ra quyết định phát thẻ đảng viên và quản lý số phát thẻ đảng viên. Đảng uỷ Ngoài nước xét, quyết định phát thẻ đảng viên cho đảng viên ở ngoài nước.

d) Các tỉnh uỷ, thành uỷ và đảng uỷ trực thuộc Trung ương chỉ đạo và kiểm tra việc phát thẻ đảng viên.

đ) Ban Tổ chức Trung ương giúp Trung ương hướng dẫn, kiểm tra việc phát, quản lý thẻ đảng viên trong toàn Đảng.

e) Sử dụng thẻ đảng viên: Đảng viên sử dụng thẻ đảng viên để biểu quyết trong sinh hoạt đảng, trong đại hội đảng bộ các cấp (trừ các trường hợp biểu quyết bằng phiếu kín).

#### 13.2- Quản lý hồ sơ đảng viên:

a) Cấp uỷ cơ sở quản lý hồ sơ đảng viên và danh sách đảng viên. Cấp uỷ cơ sở nào không có điều kiện quản lý và bảo quản hồ sơ đảng viên thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp quản lý, bảo quản.

b) Cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng quản lý phiếu đảng viên và danh sách đảng viên của đảng bộ, chi bộ cơ sở trực thuộc.

c) Hằng năm, các cấp uỷ chỉ đạo, kiểm tra việc bổ sung lý lịch đảng viên và quản lý hồ sơ đảng viên.

d) Hồ sơ đảng viên là tài liệu mật của Đảng, không được tẩy xoá, tự ý sửa chữa. Tổ chức đảng phải quản lý chặt chẽ theo chế độ bảo mật.

đ) Đảng uỷ Ngoài nước quản lý hồ sơ đảng viên, thẻ đảng viên và danh sách đảng viên ở ngoài nước.

Ban Tổ chức Trung ương giúp Trung ương hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý hồ sơ đảng viên trong toàn Đảng.

### 13.3- Chuyển sinh hoạt đảng

#### 13.3.1- Chuyển sinh hoạt đảng chính thức

- a) Đảng viên được cấp có thẩm quyền quyết định chuyển công tác sang một đơn vị mới, được nghỉ hưu, nghỉ mất sức, thôi việc, phục viên hoặc thay đổi nơi ở mới lâu dài thì phải làm thủ tục chuyển sinh hoạt đảng chính thức.
- b) Đảng viên chuyển sinh hoạt đảng chính thức ra ngoài đảng bộ huyện, tỉnh (và tương đương) thì cấp ủy huyện (và tương đương) có đảng viên chuyển đi, có trách nhiệm làm thủ tục giới thiệu chuyển sinh hoạt đảng. Đảng viên của đảng bộ, chi bộ cơ sở trực thuộc tỉnh ủy (và tương đương) khi chuyển sinh hoạt đảng chính thức thì ban tổ chức tỉnh ủy (và tương đương) làm thủ tục giới thiệu chuyển sinh hoạt đảng.
- c) Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày giới thiệu chuyển đi, đảng viên phải xuất trình giấy giới thiệu sinh hoạt đảng với chi ủy nơi chuyển đến để được sinh hoạt đảng. Nếu quá thời hạn trên, đảng viên hoặc tổ chức đảng vi phạm phải báo cáo lý do cụ thể để cấp ủy có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của Điều lệ Đảng.
- d) Khi chuyển sinh hoạt đảng chính thức cho đảng viên, cấp ủy nơi đảng viên đang sinh hoạt và công tác làm đầy đủ thủ tục, niêm phong hồ sơ, giao cho đảng viên trực tiếp mang theo để báo cáo với tổ chức đảng làm thủ tục giới thiệu và tiếp nhận sinh hoạt đảng theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

#### 13.3.2- Chuyển sinh hoạt đảng tạm thời

- a) Khi đảng viên thay đổi nơi ở và nơi công tác trong thời gian từ 3 tháng đến dưới 1 năm, khi được cử đi học ở các trường trong nước từ 3 tháng đến 2 năm, sau đó lại trở về đơn vị cũ thì phải làm thủ tục giới thiệu sinh hoạt đảng tạm thời từ đảng bộ, chi bộ nơi đảng viên đang sinh hoạt đảng chính thức đến đảng bộ, chi bộ nơi công tác, học tập hoặc nơi ở mới. Trường hợp đặc biệt do Ban Bí thư quy định.
- b) Đảng viên sinh hoạt đảng tạm thời có nhiệm vụ và quyền hạn:
  - Ở nơi sinh hoạt chính thức thì thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 2 và các quyền ghi tại Điều 3 của Điều lệ Đảng; ở nơi sinh hoạt tạm thời thì trừ quyền biểu quyết, ứng cử và bầu cử.
  - Nếu cần kéo dài thời hạn sinh hoạt đảng tạm thời, đảng viên phải báo cáo với cấp ủy đảng nơi đảng viên đang sinh hoạt tạm thời để xin gia hạn, đồng thời báo cáo với tổ chức đảng nơi sinh hoạt chính thức.
- c) Đảng viên sinh hoạt đảng tạm thời không tính vào đảng số của đảng bộ nơi sinh hoạt tạm thời mà tính vào đảng số của đảng bộ nơi sinh hoạt chính thức; đóng đảng phí ở chi bộ nơi sinh hoạt đảng tạm thời.

Cấp ủy viên khi chuyển sinh hoạt tạm thời thì vẫn là cấp ủy viên nơi sinh hoạt chính thức.

- d) Nếu có từ 3 đảng viên chính thức trở lên chuyển đến sinh hoạt đảng tạm thời để học theo lớp, theo khoa ở trường hoặc đến công tác biệt phái trong một đơn vị thành viên trực thuộc đơn vị cơ sở, thì cấp ủy nơi tiếp nhận đảng viên ra quyết định thành lập chi bộ sinh hoạt tạm thời và chỉ định chi ủy, bí thư, phó bí thư của chi bộ đó.

Nhiệm vụ của chi bộ sinh hoạt tạm thời là lãnh đạo đảng viên trong chi bộ thực hiện nghị quyết của cấp uỷ cấp trên, quản lý đảng viên, thu nộp đảng phí và thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể do cấp uỷ cấp trên giao.

#### 13.3.3- Chuyển sinh hoạt đảng ra ngoài nước

Việc quản lý, chuyển sinh hoạt đảng, tổ chức sinh hoạt đảng cho đảng viên đi ra ngoài nước thực hiện theo Quy định số 17-QĐ/TW, ngày 10-12-1996 của Bộ Chính trị (khoá VIII) và những quy định sau đây:

a) Đảng viên dự bị sinh hoạt đơn lẻ ở ngoài nước, khi hết thời hạn dự bị phải làm bản tự kiểm điểm về tư cách đảng viên và việc thực hiện nhiệm vụ được giao trong thời gian sinh hoạt đơn lẻ; cấp uỷ trực tiếp quản lý đảng viên ở ngoài nước căn cứ vào nhận xét, đánh giá của cấp uỷ nơi đi và kiểm điểm của đảng viên để xét công nhận đảng viên chính thức.

b) Đối với những địa bàn ở ngoài nước có hoàn cảnh đặc biệt, không đủ 3 đảng viên chính thức để lập chi bộ thì có thể được thành lập chi bộ sinh hoạt dự bị (gồm 3 đảng viên trở lên, kể cả đảng viên chính thức và dự bị), cấp uỷ cấp trên chỉ định bí thư chi bộ.

c) Chức năng, nhiệm vụ của các loại hình chi bộ và nhiệm vụ của đảng viên ở ngoài nước thực hiện theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan có liên quan.

#### 13.3.4- Chuyển sinh hoạt đảng khi chuyển giao, thành lập mới, chia tách, sáp nhập chi bộ, đảng bộ.

Khi cấp có thẩm quyền quyết định chuyển giao, thành lập mới, chia tách hay sáp nhập một chi bộ, đảng bộ từ đảng bộ này sang đảng bộ khác trong hoặc ngoài đảng bộ tỉnh (và tương đương) thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp nơi có chi bộ, đảng bộ được chuyển đi có trách nhiệm làm thủ tục chuyển giao tổ chức và chuyển sinh hoạt đảng tập thể cho đảng viên.

#### 13.3.5- Chuyển sinh hoạt đảng khi tổ chức đảng bị giải tán, giải thể

Sau khi cấp uỷ có thẩm quyền quyết định kỷ luật giải tán hoặc giải thể một chi bộ, đảng bộ thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức đảng đó thu hồi hồ sơ, con dấu và làm thủ tục chuyển sinh hoạt đảng cho đảng viên.

#### 13.3.6- Trách nhiệm giới thiệu sinh hoạt đảng:

a) Cấp uỷ đảng các cấp có trách nhiệm giới thiệu sinh hoạt đảng cho tổ chức đảng và đảng viên; các cơ quan sau đây được cấp uỷ uỷ nhiệm chuyển sinh hoạt đảng:

Các tỉnh uỷ, thành uỷ, Đảng uỷ Khối các cơ quan Trung ương, Đảng uỷ Khối Doanh nghiệp Trung ương uỷ nhiệm cho ban tổ chức của cấp mình; các cấp uỷ cấp trên của tổ chức cơ sở đảng thuộc Quân uỷ Trung ương được uỷ nhiệm cho cơ quan chính trị cùng cấp; Đảng uỷ Công an Trung ương được uỷ nhiệm cho Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong việc giới thiệu sinh hoạt đảng.

b) Thủ tục giới thiệu sinh hoạt đảng cho tổ chức đảng và đảng viên ra ngoài nước và từ nước ngoài về nước thực hiện theo Hướng dẫn của Ban Bí thư.

c) Ban Tổ chức Trung ương giúp Trung ương hướng dẫn, kiểm tra việc giới thiệu sinh hoạt đảng trong toàn Đảng; giới thiệu đảng viên và tổ chức đảng chuyển sinh hoạt đảng trong những trường hợp đặc biệt.



## **14- Điều 7: Đảng viên xin miễn công tác và sinh hoạt đảng**

14.1- Đảng viên tuổi cao, sức yếu không thể tham gia sinh hoạt được, tự làm đơn hoặc trực tiếp báo cáo với chi bộ xin giảm, miễn công tác và sinh hoạt đảng, chi bộ xem xét quyết định. Chi uỷ hoặc bí thư chi bộ báo cáo cấp uỷ cấp trên trực tiếp biết.

14.2- Đảng viên được miễn công tác và sinh hoạt đảng có quyền hạn và trách nhiệm sau:

a) Được dự đại hội đảng viên, được chi uỷ hoặc bí thư chi bộ thông báo về nghị quyết, chỉ thị mới của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tình hình hoạt động của chi bộ, đảng bộ như đối với đảng viên đang sinh hoạt đảng.

b) Được xét tặng Huy hiệu Đảng khi có đủ tiêu chuẩn.

c) Được miễn đánh giá chất lượng đảng viên trong thời gian được miễn công tác và sinh hoạt đảng.

d) Bản thân phải gương mẫu và vận động gia đình chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương, nếu vi phạm kỷ luật đảng thì xử lý kỷ luật như đối với đảng viên đang sinh hoạt theo quy định của Điều lệ Đảng.

## **15- Điều 8: Xoá tên đảng viên và giải quyết khiếu nại về xoá tên đảng viên**

15.1- Xoá tên đảng viên

Chi bộ xem xét, đề nghị cấp uỷ có thẩm quyền quyết định xoá tên trong danh sách đảng viên đối với các trường hợp sau: đảng viên bỏ sinh hoạt đảng hoặc không đóng đảng phí ba tháng trong năm mà không có lý do chính đáng; đảng viên tự ý trả thẻ đảng viên hoặc tự huỷ thẻ đảng viên; đảng viên giảm sút ý chí phấn đấu, không làm nhiệm vụ đảng viên, đã được chi bộ giáo dục nhưng sau thời gian 12 tháng phấn đấu không tiến bộ; đảng viên 2 năm liền vi phạm tư cách đảng viên.

15.2- Giải quyết khiếu nại về xoá tên đảng viên

a) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định xoá tên, đảng viên có quyền khiếu nại với cấp uỷ cấp trên cho đến Ban Chấp hành Trung ương.

b) Cơ quan tổ chức của cấp uỷ có trách nhiệm nghiên cứu giúp cấp uỷ giải quyết khiếu nại. Thời hạn giải quyết khiếu nại được quy định như sau: không quá 90 ngày làm việc đối với cấp tỉnh, huyện và tương đương; không quá 180 ngày làm việc đối với cấp Trung ương, kể từ ngày nhận được khiếu nại.

c) Không giải quyết những trường hợp khiếu nại sau đây: Quá thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày đảng viên nhận được quyết định xoá tên; đã được cấp có thẩm quyền cao nhất xem xét, kết luận; cá nhân hoặc tập thể khiếu nại hộ; khiếu nại khi chưa có quyết định xoá tên của cấp uỷ đảng có thẩm quyền.

d) Việc giải quyết khiếu nại về xoá tên đối với đảng viên ở ngoài nước có quy định riêng.

## **16- Điều 9: Một số quy định về thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ**

16.1- Về quy chế làm việc của cấp uỷ và tổ chức đảng

a) Căn cứ vào Điều lệ Đảng và quy chế làm việc của cấp uỷ cấp trên, các cấp uỷ đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, cơ quan tham mưu của Đảng phải xây dựng quy chế làm việc bảo đảm nguyên tắc tập trung

dân chủ và thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn được giao. Tổ chức đảng có trách nhiệm báo cáo với tổ chức đảng cấp trên và thông báo cho tổ chức đảng cấp dưới biết quy chế làm việc của mình.

b) Khi xét thấy cần thiết, cấp uỷ cấp trên ban hành quy chế phối hợp hoạt động, công tác của các cấp uỷ hoặc tổ chức đảng cấp dưới có liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp.

c) Ban tổ chức cấp uỷ cấp trên có trách nhiệm hướng dẫn cấp uỷ và tổ chức đảng cấp dưới xây dựng quy chế làm việc.

#### 16.2- Điều 9 (khoản 3): Về thực hiện nguyên tắc tự phê bình và phê bình

a) Hằng năm, gắn với tổng kết công tác năm, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp uỷ đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, cấp uỷ viên các cấp và đảng viên phải tự phê bình và phê bình tập thể và cá nhân, có kế hoạch và biện pháp phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm.

b) Cuối nhiệm kỳ đại hội, các cấp uỷ, tổ chức đảng, cấp uỷ viên các cấp phải tiến hành tự phê bình và phê bình gắn với kiểm điểm đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết đại hội.

- Báo cáo kiểm điểm của cấp uỷ phải lấy ý kiến đóng góp của cấp uỷ cấp dưới trực tiếp, của đảng đoàn, ban cán sự đảng và của lãnh đạo các ban, ngành, đoàn thể cùng cấp, phải có ý kiến của cấp uỷ cấp trên trực tiếp.

- Báo cáo của đảng đoàn, ban cán sự đảng và lãnh đạo ban, ngành, đoàn thể phải lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan chuyên môn, đảng uỷ cơ quan và của cấp uỷ cùng cấp.

- Cấp uỷ cấp trên gợi ý cho cá nhân và tập thể cấp uỷ của cơ quan, tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp những nội dung cần làm rõ khi kiểm điểm, tự phê bình và phê bình:

+ Đối với cá nhân cấp uỷ viên, đi sâu kiểm điểm về trách nhiệm chính trị, mức độ phấn đấu hoàn thành công việc được giao và những vấn đề khác có liên quan đến trách nhiệm cá nhân; về giữ gìn phẩm chất cá nhân (tu tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu).

+ Đối với tập thể cấp uỷ, kiểm điểm về việc chấp hành nghị quyết, chủ trương của cấp trên; việc đề ra và kết quả tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương của cấp mình; về xây dựng và thực hiện quy chế làm việc; về xây dựng nội bộ đoàn kết, trong sạch, vững mạnh; về quản lý tài chính ngân sách, quản lý đất đai...

Thường trực cấp uỷ cấp trên có trách nhiệm tổng hợp, phân tích, chọn lọc các vấn đề để đưa xuống các tổ chức đảng, cấp uỷ cấp dưới gợi ý cho tập thể và cá nhân tự phê bình và phê bình.

- Tổ chức lấy ý kiến đóng góp của Mặt trận Tổ quốc, ban chấp hành các đoàn thể chính trị - xã hội, hội đồng nhân dân cùng cấp, phát huy vai trò giám sát, góp ý kiến xây dựng Đảng của nhân dân.

#### 16.3- Điều 9 (khoản 5): Quy định "Nghị quyết của các cơ quan lãnh đạo của Đảng chỉ có giá trị thi hành khi có hơn một nửa số thành viên trong cơ quan đó tán thành" được cụ thể hoá như sau:

a) Số thành viên của đại hội đại biểu là tổng số đại biểu chính thức được triệu tập có đủ tư cách dự đại hội (trừ số cấp uỷ viên cấp triệu tập đại hội vắng mặt suốt thời gian đại hội, đại biểu chính thức vắng mặt suốt thời gian đại hội không có đại biểu dự khuyết thay thế).

b) Số thành viên của đại hội đảng viên, hội nghị đảng viên là tổng số đảng viên chính thức trong đảng bộ, chi bộ được triệu tập (trừ số đảng viên đã được giới thiệu sinh hoạt tạm thời ở đảng bộ khác và đảng viên đã được miễn công tác và sinh hoạt đảng không có mặt ở đại hội (nếu đảng viên đó có mặt ở đại hội, hội nghị đảng viên, tham gia bầu cử, biểu quyết thì vẫn tính), số đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng, bị khởi tố, truy tố, tạm giam, đảng viên chính thức vắng mặt suốt thời gian đại hội có lý do chính đáng được cấp uỷ triệu tập đại hội đồng ý).

c) Số thành viên của hội nghị ban chấp hành đảng bộ, ban thường vụ cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra là tổng số cấp uỷ viên đương nhiệm của ban chấp hành đảng bộ, ban thường vụ cấp uỷ, uỷ viên uỷ ban kiểm tra đương nhiệm (trừ số thành viên đã chuyển sinh hoạt đảng tạm thời không có mặt tại hội nghị, số thành viên đang bị đình chỉ sinh hoạt, bị khởi tố, truy tố, tạm giam).

d) Trường hợp kết nạp đảng viên, công nhận đảng viên chính thức, xoá tên đảng viên, khai trừ đảng viên thì phải được ít nhất hai phần ba số thành viên của tổ chức đảng nhất trí đề nghị và được cấp uỷ cấp trên có thẩm quyền quyết định với sự nhất trí của trên một nửa số thành viên.

đ) Trường hợp giải tán tổ chức đảng thì phải được ít nhất hai phần ba số thành viên cấp uỷ cấp trên trực tiếp đề nghị, cấp uỷ cấp trên cách một cấp quyết định với sự đồng ý của trên một nửa số thành viên.

### **17- Điều 10 (khoản 1): Hệ thống tổ chức của Đảng được lập tương ứng với hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước**

Hệ thống tổ chức của Đảng được tổ chức theo đơn vị hành chính lãnh thổ cấp xã, phường, thị trấn; cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp Trung ương. Đây là hệ thống tổ chức cơ bản của Đảng có chức năng lãnh đạo toàn diện ở mỗi cấp và của toàn Đảng.

### **18- Điều 10 (khoản 2), Điều 13 (khoản 5), Điều 21 (khoản 3, khoản 4, khoản 5): Lập tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng; lập cơ cấu tổ chức ở các cơ sở đảng có đặc điểm khác nhau; lập hoặc giải thể đảng bộ, chi bộ trực thuộc; việc giao quyền cấp trên cơ sở cho đảng uỷ cơ sở**

18.1- Điều 10 (khoản 2): Việc lập tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng

a) Tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng là tổ chức đảng không phải là cấp huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh. Các tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng do cấp uỷ cấp trên trực tiếp của các tổ chức này (cụ thể là tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương và Trung ương) quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ nhằm giúp cấp uỷ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đối với hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng ở những đơn vị đó. Các tổ chức cơ sở đảng lớn (có đông đảng viên, có nhiều chi bộ trực thuộc), có vị trí quan trọng (về một trong các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng) có thể đặt trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ và đảng uỷ trực thuộc Trung ương.

b) Điều kiện để lập đảng bộ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng:

- Cấp trên trực tiếp của đảng bộ được thành lập là tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương.
- Có những đơn vị thành viên là tổ chức có tư cách pháp nhân.
- Có các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc.
- Đảng bộ có từ 500 đảng viên trở lên.

Việc thành lập đảng bộ cấp trên trực tiếp tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng do tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương quyết định.

Đối với những nơi đặc thù, có yêu cầu lập đảng bộ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng khác với quy định này phải được sự đồng ý của Ban Bí thư.

c) Ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập đảng bộ khối cơ quan tỉnh, thành phố; ở các tỉnh, thành phố có nhiều doanh nghiệp thì lập đảng bộ khối doanh nghiệp. Tỉnh, thành phố có yêu cầu lập đảng bộ khối khác với quy định này phải được Ban Bí thư đồng ý, sau đó tỉnh uỷ, thành uỷ quyết định.

d) Ở Trung ương: Lập các đảng bộ khối trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương.

Đảng bộ khối trực thuộc Trung ương được tổ chức theo các đơn vị cùng ngành hoặc các ngành có quan hệ với nhau về nhiệm vụ chính trị được giao. Đảng uỷ khối là cơ quan lãnh đạo của đảng bộ giữa hai kỳ đại hội của đảng bộ, có cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc và cán bộ chuyên trách giúp việc.

đ) Bộ Chính trị quyết định lập các đảng bộ trực thuộc Trung ương, căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và mối quan hệ của các đảng uỷ trực thuộc Trung ương. Ban Tổ chức Trung ương giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý về hoạt động, hướng dẫn về tổ chức và biên chế cơ quan tham mưu giúp việc của các đảng uỷ trực thuộc Trung ương.

18.2- Điều 21 (khoản 5): Việc lập cơ cấu tổ chức ở các cơ sở đảng có đặc điểm khác nhau

a) Ở những đơn vị cơ sở chưa đủ 30 đảng viên (gồm đảng viên chính thức và đảng viên dự bị) nhưng có yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phù hợp với tình hình, đặc điểm của các đơn vị đó (là đơn vị có vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội ở các cơ quan Trung ương, trường đại học, doanh nghiệp lớn, xã, phường có số dân đông...) thì cấp uỷ từ cấp huyện và tương đương trở lên có thể xem xét, quyết định cho lập đảng bộ cơ sở.

b) Ở một số khoa của trường đại học; một số phân xưởng, xí nghiệp trực thuộc của doanh nghiệp; một số thôn, xóm, ấp, bản, cụm dân cư ở xã, phường... có hơn 30 đảng viên, do tình hình thực tế và yêu cầu chỉ đạo không thể tách ra nhiều chi bộ, nếu được cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đồng ý, thì đảng uỷ cơ sở ra quyết định thành lập chi bộ trực thuộc. Chi bộ có từ 30 đảng viên trở lên chia thành nhiều tổ đảng.

Tổ đảng có nhiệm vụ quản lý, giáo dục, hướng dẫn và giúp đỡ đảng viên sản xuất, công tác và học tập, lãnh đạo quần chúng thực hiện nghị quyết của Đảng và pháp luật Nhà nước, hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị; tuyên truyền vận động quần chúng vào Đảng. Tổ đảng sinh hoạt ít nhất mỗi tháng một lần.

c) Ở một số tổ chức cơ sở đảng có đông đảng viên có thể được lập đảng bộ bộ phận. Đảng uỷ bộ phận trực thuộc đảng uỷ cơ sở và là cấp trên của các chi bộ, sinh hoạt thường kỳ một tháng một lần, có nhiệm vụ đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của đảng uỷ cơ sở ở các chi bộ, thẩm định nghị quyết của chi bộ về kết nạp đảng viên, về thi hành kỷ luật, khen thưởng tổ chức đảng, đảng viên để đề đạt ý kiến với đảng uỷ cơ sở. Đảng uỷ bộ phận không quyết định các vấn đề về tổ chức, cán bộ, không có con dấu. Việc lập chi bộ trực thuộc do đảng uỷ bộ phận đề nghị, đảng uỷ cơ sở quyết định. Nhiệm kỳ của đảng uỷ bộ phận như nhiệm kỳ của đảng uỷ cơ sở (Quy trình tổ chức đại hội, cơ cấu, số lượng cấp uỷ viên thực hiện theo Hướng dẫn của Ban Bí thư).

Đảng bộ bộ phận trong Quân đội và Công an: Bộ Chính trị có quy định riêng.

18.3- Điều 21 (khoản 2): Việc lập đảng bộ, chi bộ

Khi có yêu cầu và có đủ điều kiện như quy định tại Điều 21 (khoản 2), Điều 24 Điều lệ Đảng thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp của đảng bộ, chi bộ quyết định việc lập đảng bộ, chi bộ, cấp uỷ cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định việc tổ chức đảng đó trực thuộc cấp uỷ cấp trên nào cho phù hợp và báo cáo cấp uỷ cấp trên.

#### 18.4- Điều 10 (khoản 3): Việc giải thể đảng bộ, chi bộ

Chỉ giải thể một đảng bộ, chi bộ khi đảng bộ, chi bộ đó đã làm xong nhiệm vụ hoặc không còn phù hợp về mặt tổ chức.

Cấp uỷ nào có thẩm quyền quyết định thành lập thì cấp uỷ đó có thẩm quyền ra quyết định giải thể đảng bộ, chi bộ trực thuộc và báo cáo cấp uỷ cấp trên trực tiếp.

#### 18.5- Điều kiện đề đảng uỷ cơ sở được giao quyền cấp trên cơ sở.

Chỉ giao quyền cấp trên cơ sở cho đảng uỷ cơ sở ở cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang (mà cấp trên trực tiếp là tỉnh uỷ, thành uỷ và đảng uỷ trực thuộc Trung ương) khi có đủ các điều kiện sau đây: Có vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh; có nhiều đơn vị thành viên là tổ chức cơ sở trong cùng một đơn vị chính quyền hoặc cơ quan quản lý; có số lượng khoảng từ bốn trăm đảng viên trở lên.

Sau khi thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương, tỉnh uỷ, thành uỷ và đảng uỷ trực thuộc Trung ương quyết định việc giao quyền cấp trên cơ sở cho đảng uỷ cơ sở. Đảng bộ mà đảng uỷ được giao quyền cấp trên cơ sở có chức năng, nhiệm vụ như chức năng, nhiệm vụ của loại hình cơ sở đó. Căn cứ tình hình cụ thể, các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương có thể giao thêm cho đảng uỷ cơ sở được giao quyền cấp trên cơ sở một số quyền sau:

a) Được lập các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc (ban tổ chức, ban tuyên giáo, cơ quan uỷ ban kiểm tra, văn phòng đảng uỷ).

b) Ban thường vụ được quyết định kết nạp, khai trừ đảng viên, khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên, phát thẻ đảng viên, chuyên sinh hoạt cho tổ chức đảng và đảng viên trực tiếp đến các đảng bộ cấp trên cơ sở.

c) Được quản lý hồ sơ, dữ liệu đảng viên.

d) Ban Thường vụ đảng uỷ mỗi tháng sinh hoạt một lần, đảng uỷ sinh hoạt thường lệ ba tháng một lần, họp bất thường khi cần.

Sau khi giao quyền, cấp uỷ cấp trên trực tiếp phải thường xuyên kiểm tra, giám sát nếu thấy đảng uỷ cơ sở được giao quyền không thực hiện tốt nhiệm vụ được giao theo quy định thì cấp uỷ có thẩm quyền xem xét, thu hồi quyết định đã giao quyền.

đ) Việc thí điểm giao quyền cấp trên cơ sở cho đảng uỷ cơ sở mà cấp trên trực tiếp không phải là tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, thực hiện theo quy định của Ban Bí thư và Hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

### **19- Điều 11 (khoản 2): Quy định số lượng đại biểu và phân bổ đại biểu đi dự đại hội đại biểu đảng bộ các cấp**

19.1- Số lượng đại biểu Đại hội toàn quốc của Đảng do Ban Chấp hành Trung ương quyết định.

19.2- Số lượng đại biểu dự đại hội đại biểu đảng bộ các cấp do cấp uỷ cấp triệu tập đại hội quyết định theo chỉ thị của Bộ Chính trị trước khi tiến hành đại hội. Cấp uỷ triệu tập đại hội phân bổ số lượng đại biểu cho các đảng bộ trực thuộc căn cứ vào số lượng đảng viên, số lượng đảng bộ trực thuộc, vị trí quan trọng của từng đảng bộ.

19.3- Đại biểu dự đại hội đại biểu các cấp gồm các uỷ viên ban chấp hành cấp triệu tập đại hội đang sinh hoạt tại đảng bộ, các đại biểu do đại hội đại biểu đảng bộ, chi bộ trực thuộc bầu và đại biểu được chỉ định theo quy định tại khoản 3, khoản 4, Điều 11 Điều lệ Đảng.

19.4- Khi bầu đại biểu dự đại hội đại biểu đảng bộ cấp trên, danh sách bầu cử lập một danh sách chung; bầu đại biểu chính thức trước, số còn lại bầu đại biểu dự khuyết. Trường hợp bầu đại biểu chính thức đã lấy đủ số lượng mà vẫn còn một số đại biểu được số phiếu trên một nửa so với tổng số đại biểu hoặc tổng số đảng viên được triệu tập, thì đại biểu dự khuyết lấy trong số các đồng chí đó theo số phiếu bầu từ cao đến thấp. Nếu vẫn chưa bầu đủ số lượng đại biểu dự khuyết theo quy định, có bầu nữa hay không là do đại hội quyết định.

Danh sách bầu cử lần sau có giới thiệu bổ sung đại biểu ngoài danh sách bầu cử lần thứ nhất hay không là do đại hội quyết định.

19.5- Việc chuyển đại biểu dự khuyết thành đại biểu chính thức do ban thường vụ cấp uỷ cấp triệu tập đại hội (ở Trung ương là Bộ Chính trị) quyết định. Việc chuyển đại biểu này phải được ban thẩm tra tư cách đại biểu đại hội xem xét và báo cáo đại hội thông qua. Đại biểu dự khuyết được chuyển thành đại biểu chính thức ở mỗi đảng bộ theo thứ tự số phiếu bầu từ cao xuống thấp ở đại hội đại biểu đảng bộ đó. Trường hợp bằng phiếu nhau thì lấy người có tuổi đảng cao hơn.

19.6- Sau khi trúng cử, đại biểu chính thức chuyển công tác và sinh hoạt đảng đến đơn vị mới, nhưng tổ chức đảng ở đơn vị mới đó vẫn trực thuộc cấp uỷ cấp triệu tập đại hội thì đại biểu đó vẫn được triệu tập đến dự đại hội, cấp uỷ nơi có đại biểu chính thức chuyển đi đảng bộ khác không cử đại biểu dự khuyết thay thế; nếu đại biểu đó đã chuyển đến đơn vị mới mà tổ chức đảng ở đơn vị mới đó không trực thuộc cấp uỷ cấp triệu tập đại hội thì tổ chức đảng ở đơn vị đó được chuyển đại biểu dự khuyết thành chính thức để thay thế.

Trường hợp đại biểu chính thức (do bầu cử) xin rút mà được cấp uỷ triệu tập đại hội đồng ý, thì được cử đại biểu dự khuyết thay thế.

19.7- Trường hợp đại hội cấp dưới bầu không đủ số lượng đại biểu chính thức được phân bổ, cấp uỷ không được cử đại biểu dự khuyết thay thế số đại biểu chính thức do bầu không đủ.

Cấp uỷ viên cấp triệu tập vắng mặt suốt thời gian đại hội, đại biểu chính thức bị bác tư cách thì không cử đại biểu dự khuyết thay thế.

Đại biểu chính thức vắng mặt suốt thời gian đại hội mà không có đại biểu dự khuyết thay thế thì không tính vào tổng số đại biểu được triệu tập dự đại hội khi tính kết quả bầu cử.

Trường hợp đặc biệt, ở đảng bộ đã bầu xong đại biểu lại có quyết định tách đảng bộ đó thành một số đảng bộ mới, thì cấp uỷ triệu tập đại hội có thể quyết định bầu bổ sung một số đại biểu cho các đảng bộ mới đó phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 11 Điều lệ Đảng về phân bổ đại biểu cho các đảng bộ trực thuộc.

19.8- Trường hợp đảng bộ, chi bộ đã tổ chức đại hội bầu đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên, nhưng do yêu cầu chia tách, đảng bộ, chi bộ đó được chuyển về một đảng bộ mới và đảng bộ mới chưa tiến hành

đại hội, thì cấp uỷ triệu tập đại hội có trách nhiệm triệu tập số đại biểu của đảng bộ, chi bộ mới chuyển về và tính vào tổng số đại biểu được triệu tập của đại hội.

## **20- Điều 11 (khoản 1, khoản 2): Nhiệm vụ của cấp uỷ triệu tập đại hội**

Cấp uỷ triệu tập đại hội có nhiệm vụ:

- a) Chuẩn bị dự thảo các báo cáo, các vấn đề về nhân sự đại biểu, đề án nhân sự cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra và kế hoạch tổ chức đại hội.
- b) Tiếp nhận đơn ứng cử vào cấp uỷ của đảng viên chính thức không phải là đại biểu chính thức của đại hội (gửi đến cấp uỷ trước khi đại hội chính thức khai mạc chậm nhất là 15 ngày làm việc) để đoàn chủ tịch đại hội báo cáo đại hội xem xét, quyết định.
- c) Quyết định và thông báo thời gian khai mạc đại hội trước 30 ngày làm việc, thông báo số lượng đại biểu và phân bổ đại biểu cho các đảng bộ trực thuộc; chỉ đạo việc bầu cử đại biểu bảo đảm đúng nguyên tắc, thủ tục quy định.
- d) Cung cấp tài liệu cho ban thẩm tra tư cách đại biểu về tình hình, kết quả bầu cử đại biểu và những vấn đề có liên quan đến tư cách đại biểu.
- đ) Cung cấp tài liệu cho đoàn chủ tịch đại hội để trả lời các vấn đề do đại biểu đại hội yêu cầu.
- e) Chỉ đạo các mặt công tác thường xuyên của đảng bộ cho đến khi bầu được cấp uỷ mới.
- g) Chuẩn bị tài liệu cho cấp uỷ khoá mới để bầu các chức danh lãnh đạo của cấp uỷ trong phiên họp thứ nhất.

## **21- Điều 11 (khoản 4): Chỉ định đại biểu tham dự đại hội đại biểu đảng bộ các cấp**

Các đảng bộ, chi bộ đang hoạt động ở ngoài nước, đảng bộ, chi bộ có đa số đảng viên hoạt động không phân tán, đang làm nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu, hoặc vì thiên tai... mà không tổ chức đại hội được, nếu cấp uỷ cấp trên trực tiếp đồng ý thì cấp uỷ triệu tập đại hội được chỉ định một số đại biểu ở các đảng bộ, chi bộ đó phù hợp với tính chất, đặc điểm, số lượng đảng viên ở các đơn vị đó.

Số lượng đại biểu được chỉ định nằm trong tổng số đại biểu được triệu tập.

## **22- Điều 11, Điều 12: Các tổ chức điều hành và giúp việc đại hội**

22.1- Điều 11 (khoản 7), Điều 12 (khoản 3): Đoàn chủ tịch đại hội

a) Đoàn chủ tịch đại hội là cơ quan điều hành công việc của đại hội, làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quyết định theo đa số. Cấp uỷ triệu tập đại hội đề xuất để đại hội biểu quyết về số lượng thành viên đoàn chủ tịch, sau đó giới thiệu để đại hội biểu quyết danh sách đoàn chủ tịch. Đại hội chi bộ biểu quyết danh sách đoàn chủ tịch hoặc chủ tịch đại hội.

b) Đoàn chủ tịch đại hội có nhiệm vụ:

- Điều hành công việc của đại hội theo chương trình, quy chế làm việc đã được đại hội biểu quyết thông qua; phân công thành viên điều hành các phiên họp của đại hội; chuẩn bị nội dung để đại hội thảo luận, biểu quyết; lãnh đạo, điều hành các hoạt động của đại hội.

- Điều hành việc bầu cử theo quy định của Bộ Chính trị.

22.2- Điều 11 (khoản 5): Ban thẩm tra tư cách đại biểu của đại hội.

a) Thành viên của ban thẩm tra tư cách đại biểu của đại hội phải là những đại biểu chính thức của đại hội, am hiểu về công tác tổ chức, cán bộ và công tác kiểm tra. Cấp uỷ triệu tập đại hội giới thiệu, đại hội biểu quyết số lượng và danh sách ban thẩm tra tư cách đại biểu. Đại hội đảng viên không bầu ban thẩm tra tư cách đại biểu; cấp uỷ triệu tập đại hội báo cáo với đại hội tình hình đảng viên tham dự đại hội.

b) Nhiệm vụ của ban thẩm tra tư cách đại biểu:

- Xem xét báo cáo của cấp uỷ về việc chấp hành nguyên tắc, thủ tục, tình hình và kết quả bầu cử đại biểu; những vấn đề có liên quan đến tư cách đại biểu.

- Xem xét, kết luận các đơn, thư khiếu nại, tố cáo về tư cách đại biểu do cấp uỷ các cấp giải quyết; báo cáo với đoàn chủ tịch để trình đại hội xem xét, quyết định về những trường hợp không được công nhận tư cách đại biểu, những trường hợp có đơn xin rút khỏi danh sách đại biểu và việc chuyển đại biểu dự khuyết thành đại biểu chính thức đã được triệu tập.

- Báo cáo với đại hội kết quả thẩm tra tư cách đại biểu để đại hội xem xét, biểu quyết công nhận.

22.3- Điều 11 (khoản 7): Đoàn thư ký đại hội

a) Đoàn thư ký đại hội gồm những đại biểu chính thức (đối với đại hội đại biểu) hoặc đảng viên chính thức (đối với đại hội đảng viên). Cấp uỷ triệu tập đại hội đề xuất, giới thiệu để đại hội biểu quyết về số lượng, danh sách đoàn thư ký và trưởng đoàn thư ký. Ở đại hội chi bộ thì chi uỷ hoặc bí thư chi bộ đề xuất, giới thiệu để đại hội biểu quyết. Trưởng đoàn thư ký có trách nhiệm phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên, chịu trách nhiệm trước đoàn chủ tịch về nhiệm vụ của đoàn thư ký.

b) Nhiệm vụ của đoàn thư ký:

- Ghi biên bản tổng hợp ý kiến thảo luận, dự thảo các văn bản kết luận, nghị quyết của đại hội.

- Quản lý và phát hành tài liệu, ấn phẩm của đại hội theo sự chỉ đạo của đoàn chủ tịch. Thu nhận, bảo quản và gửi đến cấp uỷ khoá mới đầy đủ hồ sơ, tài liệu, ấn phẩm của đại hội.

22.4- Điều 12 (khoản 3): Ban kiểm phiếu

a) Ban kiểm phiếu gồm những đại biểu chính thức (đối với đại hội đại biểu), đảng viên chính thức (đối với đại hội đảng viên) trong đại hội không có tên trong danh sách bầu cử. Đoàn chủ tịch (hoặc chủ tịch) đại hội đề xuất, giới thiệu, đại hội biểu quyết số lượng, danh sách thành viên ban kiểm phiếu và trưởng ban kiểm phiếu.

b) Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Hướng dẫn cách thức bỏ phiếu, phát phiếu, thu phiếu, kiểm phiếu bầu.

- Xem xét, kết luận các phiếu không hợp lệ và những ý kiến khiếu nại về việc bầu cử trong đại hội (nếu có).



- Lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử, kết quả trúng cử; niêm phong phiếu bầu và chuyên cho đoàn chủ tịch đại hội. Đoàn chủ tịch đại hội bàn giao cho cấp uỷ khoá mới lưu trữ theo quy định (qua ban tổ chức của cấp uỷ).

Nếu kiểm phiếu bằng máy vi tính, ban kiểm phiếu được sử dụng một số nhân viên kỹ thuật không phải là đại biểu đại hội.

Ngoài ban kiểm phiếu và nhân viên kỹ thuật được đại hội sử dụng làm nhiệm vụ kiểm phiếu, không ai được đến nơi ban kiểm phiếu đang làm việc.

22.5- Ban Bí thư hướng dẫn cụ thể quy trình, thủ tục trong đại hội.

### **23- Về việc bầu cử trong Đảng**

Thực hiện theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương (trước mắt thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị khoá X).

### **24- Điều 12 (khoản 2), Điều 20 (khoản 2): Số lượng cấp uỷ viên, số lượng uỷ viên ban thường vụ và số lượng uỷ viên uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ các cấp**

Việc quy định số lượng cấp uỷ viên, uỷ viên ban thường vụ, uỷ viên uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ mỗi cấp căn cứ vào nhiệm vụ chính trị, vị trí, đặc điểm của mỗi cấp, vào số lượng đơn vị trực thuộc và số lượng đảng viên của mỗi đảng bộ.

Số lượng uỷ viên ban thường vụ cấp uỷ mỗi cấp không quá một phần ba tổng số cấp uỷ viên.

Trước mỗi kỳ đại hội đảng bộ các cấp, căn cứ vào nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị ra chỉ thị, Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn cụ thể về việc chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng bộ các cấp, có quy định về số lượng (tối đa, tối thiểu) cấp uỷ viên, uỷ viên ban thường vụ, uỷ viên uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ mỗi cấp. Trên cơ sở đó, cấp uỷ từng cấp tiến hành công tác chuẩn bị nhân sự khoá mới trình đại hội đảng bộ cấp mình xem xét, quyết định số lượng cấp uỷ viên trước khi tiến hành công tác bầu cử. Sau khi được bầu, cấp uỷ khoá mới thảo luận và quyết định số lượng uỷ viên ban thường vụ và số lượng uỷ viên uỷ ban kiểm tra cấp mình trước khi tiến hành bầu cử các chức vụ đó theo quy định hiện hành.

### **25- Điều 13 (khoản 1): Cấp uỷ khoá mới được điều hành công việc ngay sau khi được bầu**

25.1- Hội nghị lần thứ nhất của cấp uỷ khoá mới do đồng chí bí thư hoặc đồng chí phó bí thư khoá trước tái cử, hoặc đồng chí được cấp uỷ cấp trên uỷ nhiệm (nếu bí thư và phó bí thư khoá trước không tái cử) làm triệu tập viên, khai mạc, chủ trì cho đến khi bầu xong đoàn chủ tịch hoặc chủ tịch hội nghị.

Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương khoá mới do đồng chí Tổng Bí thư khoá trước hoặc một đồng chí Uỷ viên Bộ Chính trị khoá trước do Đoàn Chủ tịch Đại hội phân công làm triệu tập viên khai mạc, chủ trì cho đến khi bầu xong đoàn chủ tịch hội nghị.

25.2- Đồng chí bí thư cấp uỷ và chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra được ký các văn bản với chức danh bí thư và chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra. Trường hợp chưa bầu được chức danh bí thư thì một đồng chí phó bí thư cấp uỷ được cấp uỷ uỷ nhiệm ký các văn bản với chức danh phó bí thư. Cấp uỷ khoá mới nhận bàn giao từ cấp uỷ khoá trước trong vòng 15 ngày làm việc. Sau khi có quyết định chuẩn y của cấp có thẩm quyền, các đồng chí có chức danh phó bí thư, uỷ viên thường vụ, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra mới được ký chức danh trong các văn bản của đảng bộ.

**26- Điều 13 (khoản 1), Điều 31 (khoản 1): Việc chuẩn y kết quả bầu cử cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, bí thư, phó bí thư, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra và uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ các cấp.**

26.1- Cấp uỷ khoá mới phải báo cáo lên cấp uỷ cấp trên trực tiếp: các biên bản bầu cử ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm và phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra; danh sách trích ngang, sơ yếu lý lịch của từng thành viên theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

26.2- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả bầu cử của cấp dưới, cấp uỷ cấp trên trực tiếp chuẩn y ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư cấp uỷ; các thành viên, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra.

26.3- Sau đại hội, nếu phát hiện thấy có sự vi phạm về tiêu chuẩn, nguyên tắc, thủ tục bầu cử thì cấp uỷ cấp trên có quyền bác bỏ kết quả bầu cử của đại hội hoặc của cấp uỷ cấp dưới, chỉ đạo tiến hành bầu lại; nếu thấy có một hoặc một số chức danh đã được bầu nhưng không bảo đảm nguyên tắc hoặc tiêu chuẩn quy định thì cấp uỷ cấp trên có quyền không công nhận một hoặc một số chức danh đó.

**27- Điều 13 (khoản 2): Việc bổ sung cấp uỷ viên thiếu do cấp uỷ đề nghị, cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định.**

27.1- Khi cần bổ sung cấp uỷ viên thiếu, tập thể cấp uỷ thảo luận, thống nhất đề nghị cấp uỷ cấp trên về số lượng, nhân sự cụ thể để cấp uỷ cấp trên ra quyết định. Trường hợp đặc biệt, nếu xét thấy cần, cấp uỷ cấp trên có thể ra quyết định bổ sung số cấp uỷ viên thiếu.

27.2- Việc bổ sung cấp uỷ viên, uỷ viên thường vụ, bí thư, phó bí thư là đảng viên trong đảng bộ, chi bộ, nói chung thực hiện theo quy trình: chỉ định vào ban chấp hành đảng bộ, ban chấp hành đảng bộ bầu vào các chức danh cần thiết.

27.3- Cấp uỷ cấp trên trực tiếp có thể chỉ định đích danh đảng viên là cấp uỷ viên cấp trên vào chức danh bí thư, phó bí thư, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ cấp dưới.

27.4- Khi cần thiết, cấp uỷ cấp trên có quyền điều động đảng viên từ đảng bộ khác chỉ định tham gia cấp uỷ và giữ các chức vụ uỷ viên thường vụ, phó bí thư, bí thư cấp uỷ, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra.

**28- Điều 13 (khoản 2): Việc chỉ định tăng thêm cấp uỷ viên**

Khi thật cần thiết, cấp uỷ cấp dưới thảo luận thống nhất đề nghị cấp uỷ cấp trên chỉ định tăng thêm một số cấp uỷ viên cấp dưới. So với số lượng cấp uỷ viên mà đại hội đã quyết định, số lượng cấp uỷ viên chỉ định tăng thêm không được quá 10% đối với cấp quận, huyện và tương đương trở lên, không quá 20% đối với cấp cơ sở. Các trường hợp cụ thể khác, giao Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn.

**29- Điều 13 (khoản 3): Việc điều động cấp uỷ viên**

Trường hợp không phải do chia tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức đảng, khi cùng một lúc phải điều động quá một phần ba số cấp uỷ viên do đại hội đã bầu thì phải được cấp uỷ cấp trên cách một cấp đồng ý; nếu là cấp uỷ viên của đảng bộ trực thuộc Trung ương thì do Bộ Chính trị quyết định.

**30- Điều 13 (khoản 4), Điều 42 (khoản 2), Điều 43 (khoản 2): Việc thôi tham gia cấp uỷ và thôi sinh hoạt đảng đoàn, ban cán sự đảng**

30.1- Việc thôi tham gia cấp uỷ của các đồng chí cấp uỷ viên khi có quyết định nghỉ công tác để nghỉ hưu hoặc chuyển công tác khác

a) Cấp uỷ viên khi có quyết định nghỉ công tác chờ nghỉ hưu, quyết định nghỉ hưu hoặc có quyết định thôi làm công tác quản lý thì thôi tham gia cấp uỷ đương nhiệm từ thời điểm nghỉ công tác chờ nghỉ hưu, thời điểm nghỉ hưu, thời điểm làm công tác quản lý (trường hợp thay đổi vị trí quản lý thì không áp dụng quy định này).

b) Cấp uỷ viên tham gia nhiều cấp uỷ, khi có thông báo nghỉ công tác chờ nghỉ hưu, có quyết định nghỉ hưu thì thôi tham gia các cấp uỷ mà đồng chí đó là thành viên; trường hợp chuyển công tác sang đảng bộ khác thì thôi tham gia các cấp uỷ trong cùng đảng bộ mà đồng chí đó đã tham gia kể từ khi quyết định có hiệu lực thi hành. Nếu đồng chí đó là thành viên của cấp uỷ cấp trên mà nơi chuyển đến trong cùng đảng bộ thì vẫn là cấp uỷ viên cấp uỷ cấp trên.

30.2- Khi có quyết định nghỉ công tác chờ nghỉ hưu, quyết định nghỉ hưu hoặc chuyển sang công tác khác mà vị trí công tác mới không thuộc cơ cấu đảng đoàn, ban cán sự đảng, thì đồng chí uỷ viên đảng đoàn, ban cán sự đảng thôi tham gia sinh hoạt đảng đoàn, ban cán sự đảng kể từ thời điểm nghỉ công tác để chờ nghỉ hưu hoặc khi quyết định nghỉ hưu có hiệu lực thi hành; cấp uỷ cùng cấp chỉ định thành viên mới tham gia đảng đoàn, ban cán sự đảng.

### **31- Điều 13 (khoản 5): Chỉ định cấp uỷ ở những nơi thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập đảng bộ, chi bộ**

Trong nhiệm kỳ của cấp uỷ, nếu có sự thay đổi về tổ chức như: thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp chỉ định cấp uỷ chính thức, bí thư, phó bí thư, ban thường vụ theo khoản 5, Điều 13 Điều lệ Đảng; cấp uỷ được chỉ định bầu uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra theo Điều 31 Điều lệ Đảng và Quy chế bầu cử trong Đảng; chỉ đạo xây dựng hoặc bổ sung nhiệm vụ cho phù hợp; nhiệm kỳ đầu tiên của cấp uỷ không nhất thiết là 5 năm. Cách tính nhiệm kỳ đại hội theo hướng dẫn của Ban Bí thư.

### **32- Điều 14 (khoản 1): Lập các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của cấp uỷ**

32.1- Các đảng bộ trực thuộc Trung ương

a) Cấp uỷ tỉnh, huyện và tương đương được lập các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của cấp mình theo quy định sau:

- Cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các cơ quan, đơn vị: văn phòng, ban tổ chức, cơ quan uỷ ban kiểm tra, ban tuyên giáo, ban dân vận, trường chính trị và báo của đảng bộ tỉnh, thành phố.

- Cấp huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có các cơ quan, đơn vị: văn phòng, ban tổ chức, cơ quan uỷ ban kiểm tra, ban tuyên giáo, ban dân vận, trung tâm bồi dưỡng chính trị.

- Đảng bộ khối, đảng bộ cấp trên trực tiếp tổ chức cơ sở đảng khác trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ có các cơ quan: văn phòng, ban tổ chức, cơ quan uỷ ban kiểm tra, ban tuyên giáo.

b) Các đảng bộ khối trực thuộc Trung ương được lập cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, bao gồm: văn phòng, ban tổ chức, cơ quan uỷ ban kiểm tra, ban tuyên giáo, ban dân vận, trung tâm bồi dưỡng chính trị.

Đảng bộ cấp trên trực tiếp tổ chức cơ sở đảng trực thuộc đảng ủy khối Trung ương được lập các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc bao gồm: văn phòng, ban tổ chức, ban tuyên giáo, cơ quan ủy ban kiểm tra.

c) Nơi có yêu cầu lập cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp khác với quy định trên thì phải báo cáo Ban Bí thư đồng ý mới được lập.

Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, định kỳ báo cáo Ban Bí thư về tổ chức bộ máy và biên chế của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp nêu trên. Các ban và cơ quan của Đảng ở Trung ương phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn hoạt động của các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của cấp ủy địa phương.

d) Cơ quan tham mưu giúp việc của các cấp ủy trong Đảng bộ Quân đội là cơ quan chính trị, trong Đảng bộ Công an là cơ quan xây dựng lực lượng theo quy định của Bộ Chính trị.

32.2- Việc thành lập và giải thể cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc, đơn vị sự nghiệp của Trung ương do Ban Chấp hành Trung ương quyết định. Ban Tổ chức Trung ương giúp Trung ương hướng dẫn, kiểm tra và quản lý tổ chức bộ máy, biên chế của các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc, đơn vị sự nghiệp của Trung ương.

32.3- Tổ chức, bộ máy và biên chế của cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội (Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam): Ở cấp Trung ương, giao Ban Tổ chức Trung ương quản lý; ở cấp tỉnh, cấp huyện, giao ban tổ chức tỉnh ủy thành ủy quản lý, định kỳ báo cáo Ban Bí thư (qua Ban Tổ chức Trung ương).

### **33. Điều 18 (khoản 3), Điều 22 (khoản 3): Về đại hội bất thường ở các cấp**

Khi có trên một nửa số ủy viên ban chấp hành đảng bộ đồng ý bằng phiếu kín, hoặc có trên một nửa số tổ chức đảng trực thuộc nhất trí và được ban thường vụ cấp ủy cấp trên đồng ý mới triệu tập đại hội bất thường; đối với đảng bộ trực thuộc Trung ương phải được Bộ Chính trị đồng ý.

Điều kiện để tổ chức đại hội bất thường là có thay đổi lớn về chủ trương, nhiệm vụ so với nghị quyết đại hội đề ra; có thay đổi lớn về nhân sự chủ chốt của cấp ủy; do nội bộ mất đoàn kết nghiêm trọng hoặc hầu hết cấp ủy viên bị xử lý kỷ luật.

### **34- Điều 21 (khoản 1): Điều kiện để thành lập chi bộ cơ sở đối với chi bộ trực thuộc đảng ủy được giao quyền cấp trên cơ sở**

Ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, chi bộ trực thuộc đảng ủy được giao quyền cấp trên cơ sở, được xác định là chi bộ cơ sở phải có các điều kiện sau đây: có các tổ đảng trực thuộc; chính quyền cùng cấp phải là đơn vị cơ sở, có tư cách pháp nhân, có vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh; do đảng ủy được giao quyền cấp trên cơ sở quyết định sau khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của cấp ủy cấp trên trực tiếp.

Đối với Đảng bộ Quân đội và Đảng bộ Công an có quy định riêng.

### **35- Điều 21 (khoản 2): Về thành lập tổ chức cơ sở đảng trực thuộc cấp ủy cấp huyện**

35.1- Ở xã, phường, thị trấn có từ 3 đảng viên chính thức trở lên thì lập tổ chức cơ sở đảng; cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng là cấp ủy huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

35.2- Ở cơ quan, doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp, đơn vị quân đội, công an và các đơn vị khác có từ 3 đảng viên chính thức trở lên thì lập tổ chức đảng (tổ chức cơ sở đảng hoặc chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở). Cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định việc tổ chức đảng đó trực thuộc cấp ủy cấp trên nào cho phù hợp; nếu chưa đủ 3 đảng viên chính thức thì cấp ủy cấp trên trực tiếp giới thiệu đảng viên sinh hoạt ở tổ chức cơ sở đảng thích hợp.

### **36- Điều 22 (khoản 6): Sinh hoạt định kỳ của đảng bộ cơ sở**

Đảng bộ cơ sở họp thường lệ mỗi năm hai lần vào dịp đánh giá công tác 6 tháng đầu năm và tổng kết công tác cuối năm, họp bất thường khi cần.

Nội dung sinh hoạt đảng bộ: Báo cáo kết quả hoạt động của đảng bộ, của đảng ủy trong thời gian qua, xác định nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới; phổ biến thông tin thời sự, chủ trương, chính sách, pháp luật mới của Đảng và Nhà nước; thông báo kết quả kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng của đảng ủy đối với các chi bộ, đảng viên; giải đáp ý kiến phê bình, chất vấn của đảng viên và chi bộ.

Đối với đảng bộ cơ sở có đông đảng viên, hoạt động phân tán, địa bàn rộng, đơn vị lực lượng vũ trang làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, cấp ủy cơ sở căn cứ vào tình hình cụ thể để tổ chức sinh hoạt theo cụm, phân công cấp ủy viên phụ trách, bảo đảm nội dung sinh hoạt của đảng bộ như đã nêu trên.

### **37- Điều 23 (khoản 5): Đảng ủy cơ sở được ủy quyền quyết định kết nạp và khai trừ đảng viên**

Các đảng bộ cơ sở ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang có trên một trăm đảng viên và được công nhận đạt tiêu chuẩn đảng bộ trong sạch, vững mạnh, có thể được cấp ủy cấp trên trực tiếp xem xét, ra quyết định ủy quyền cho đảng ủy cơ sở quyền quyết định kết nạp đảng viên và thi hành kỷ luật khai trừ đảng viên.

Sau khi ủy quyền, cấp ủy cấp trên trực tiếp phải thường xuyên kiểm tra, nếu thấy đảng ủy cơ sở được ủy quyền không làm tốt nhiệm vụ theo quy định thì thu hồi quyết định đã ủy quyền.

### **38- Điều 24 (khoản 4): Việc bầu chi ủy, bí thư, phó bí thư chi bộ (kể cả chi bộ cơ sở)**

Chi bộ có 9 đảng viên chính thức trở lên bầu chi ủy; chi bộ đông đảng viên bầu không quá 7 chi ủy viên. Chi bộ trực tiếp bầu chi ủy trước, sau đó bầu bí thư, bầu một phó bí thư trong số chi ủy viên. Chi bộ có dưới 9 đảng viên bầu bí thư, nếu cần bầu phó bí thư.

Trường hợp chi bộ bầu đến lần thứ ba mà không có đồng chí nào đủ số phiếu trúng cử bí thư chi bộ, thì cấp ủy cấp trên căn cứ vào tình hình cụ thể của chi bộ để chỉ định một đồng chí trong số chi ủy viên hoặc đảng viên (nơi không có chi ủy) làm bí thư để điều hành hoạt động của chi bộ.

Khi thật cần thiết, cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định bí thư, phó bí thư, chi ủy viên.

### **39- Điều 27 (khoản 2): Đảng ủy quân khu**

Đảng ủy quân khu gồm các đồng chí công tác trong đảng bộ quân khu do đại hội cùng cấp bầu, các đồng chí bí thư tỉnh ủy, thành ủy trên địa bàn quân khu được Bộ Chính trị chỉ định tham gia. Trường hợp thật cần thiết, Bộ Chính trị, Ban Bí thư có thể chỉ định một số đồng chí khác có cơ cấu thích hợp tham gia đảng ủy, quân khu.

Đồng chí bí thư tỉnh ủy, thành ủy và các đồng chí khác được Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ định tham gia đảng ủy quân khu thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của cấp ủy viên quân khu (trừ quyền ứng cử); thực

hiện chế độ sinh hoạt theo quy chế làm việc của đảng uỷ quân khu; tham gia đảng uỷ quân khu từ khi được Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ định và thôi tham gia đảng uỷ quân khu khi thôi giữ chức vụ tương ứng.

Đảng uỷ quân khu có nhiệm vụ lãnh đạo mọi mặt các đơn vị thuộc quyền; chỉ đạo, hướng dẫn cấp uỷ địa phương xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân, công tác quân sự địa phương, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, chấp hành chính sách hậu phương quân đội; phối hợp với cấp uỷ địa phương thực hiện đường lối, chính sách của Đảng trong quân khu.

Các cấp uỷ địa phương có trách nhiệm lãnh đạo thực hiện nghị quyết của đảng uỷ quân khu về nhiệm vụ quân sự - quốc phòng trong địa phương mình.

#### **40- Điều 27 (khoản 3): Cơ quan chính trị cấp trên phối hợp với cấp uỷ địa phương chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng vũ trang địa phương**

Cơ quan chính trị cấp nào đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị, công tác quần chúng ở cấp đó dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng cùng cấp và sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên.

Cơ quan chính trị quân khu phối hợp với tỉnh uỷ, thành uỷ; cơ quan chính trị thuộc bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố phối hợp với huyện uỷ, quận uỷ; cơ quan chính trị thuộc ban chỉ huy quân sự huyện, quận phối hợp với đảng uỷ (chi uỷ) xã, phường, thị trấn để chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng vũ trang địa phương.

#### **41- Điều 27 (khoản 4): Chỉ định đồng chí bí thư cấp uỷ và một số đồng chí ngoài đảng bộ quân sự địa phương tham gia đảng uỷ quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đảng uỷ quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh**

41.1- Sau mỗi kỳ đại hội đảng bộ tỉnh, đảng bộ huyện, khi cấp uỷ địa phương khoá mới đã kiện toàn và được cấp uỷ cấp trên chuẩn y, các đồng chí cấp uỷ viên là bí thư cấp uỷ, chủ tịch uỷ ban nhân dân, được ban thường vụ cấp uỷ chỉ định tham gia đảng uỷ quân sự cùng cấp. Đồng chí bí thư cấp uỷ địa phương trực tiếp làm bí thư đảng uỷ quân sự cùng cấp.

Các đồng chí được ban thường vụ cấp uỷ địa phương chỉ định tham gia đảng uỷ quân sự thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của cấp uỷ viên (trừ quyền ứng cử); thực hiện chế độ sinh hoạt theo quy chế làm việc của đảng uỷ quân sự; tham gia đảng uỷ quân sự từ khi được ban thường vụ cấp uỷ địa phương chỉ định và thôi tham gia đảng uỷ quân sự khi thôi giữ chức vụ bí thư cấp uỷ, chủ tịch uỷ ban nhân dân.

41.2- Ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có bộ đội biên phòng thì tổ chức đảng bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của tỉnh uỷ, thành uỷ, đồng thời chấp hành nghị quyết của đảng uỷ bộ đội biên phòng cấp trên.

Cơ quan chính trị bộ đội biên phòng cấp nào đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị, công tác quần chúng ở cấp đó dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng bộ đội biên phòng cùng cấp, sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên, sự hướng dẫn, kiểm tra về nghiệp vụ của các ban đảng thuộc cấp uỷ địa phương cùng cấp.

Cấp uỷ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phân công đồng chí phó bí thư là chủ tịch uỷ ban nhân dân phụ trách đảng uỷ bộ đội biên phòng.

#### **42- Điều 28 (khoản 1, khoản 4): Quan hệ giữa Đảng uỷ Công an Trung ương với tỉnh uỷ, thành uỷ và cơ quan xây dựng lực lượng công an nhân dân**

42.1- Điều 28 (khoản 1): Quan hệ giữa Đảng uỷ Công an Trung ương với tỉnh uỷ, thành uỷ

Quan hệ giữa Đảng uỷ Công an Trung ương với tỉnh uỷ, thành uỷ là quan hệ phối hợp trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng công an nhân dân ở tỉnh, thành phố.

Bộ Chính trị uỷ nhiệm cho Đảng uỷ Công an Trung ương khi cần thiết mời các đồng chí bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ để truyền đạt những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực bảo đảm an ninh, chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng công an nhân dân.

42.2- Điều 28 (khoản 4): Về cơ quan xây dựng lực lượng công an nhân dân.

Cơ quan xây dựng lực lượng công an mỗi cấp đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị, công tác quần chúng trong công an cấp mình; hoạt động dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ công an cùng cấp, sự chỉ đạo của cơ quan xây dựng lực lượng cấp trên, sự hướng dẫn và kiểm tra về nghiệp vụ của các ban đảng của cấp uỷ cùng cấp; tham mưu giúp cấp uỷ công an cùng cấp trong việc phối hợp với cấp uỷ địa phương cấp dưới lãnh đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng công an địa phương cấp dưới.

### **43- Điều 29 (khoản 1): Nhiệm vụ tham mưu của các đảng uỷ công an đối với cấp uỷ địa phương cùng cấp**

Tổ chức đảng trong công an nhân dân không có hệ thống dọc từ Trung ương đến các đơn vị cơ sở của công an nhân dân địa phương.

Cấp uỷ đảng công an địa phương cấp nào có nhiệm vụ tham mưu giúp cấp uỷ địa phương cấp đó lãnh đạo các ngành, các cấp ở địa phương thực hiện nghị quyết của đảng uỷ công an cấp trên về giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; lãnh đạo xây dựng lực lượng công an nhân dân ở địa phương.

### **44- Điều 29 (khoản 2): Việc phân công đồng chí phó bí thư cấp uỷ địa phương phụ trách đảng uỷ công an cùng cấp**

Các tỉnh uỷ, thành uỷ, huyện uỷ, quận uỷ, thị uỷ phân công đồng chí phó bí thư là chủ tịch uỷ ban nhân dân phụ trách đảng uỷ công an cùng cấp.

Đồng chí phó bí thư là chủ tịch uỷ ban nhân dân được phân công phụ trách đảng uỷ công an địa phương cùng cấp thường xuyên nắm chắc tình hình mọi mặt của cấp uỷ công an; chịu trách nhiệm trước cấp uỷ địa phương về hoạt động của cấp uỷ công an; tham gia cùng cấp uỷ địa phương lãnh đạo kiên toàn cấp uỷ công an; trực tiếp tham dự các hội nghị quan trọng của cấp uỷ công an để truyền đạt ý kiến chỉ đạo của cấp uỷ địa phương đối với cấp uỷ công an về những vấn đề có liên quan đến giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng công an nhân dân ở địa phương.

Định kỳ hằng tháng hoặc đột xuất, cấp uỷ công an báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của đồng chí phó bí thư là chủ tịch uỷ ban nhân dân phụ trách về những vấn đề liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng công an nhân dân ở địa phương trước khi báo cáo xin ý kiến cấp uỷ địa phương.

### **45- Điều 30: Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng**

45.1- Các chi bộ, đảng uỷ bộ phận, đảng uỷ cơ sở; cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ từ cấp trên cơ sở trở lên; uỷ ban kiểm tra; các ban đảng, văn phòng cấp uỷ, cơ quan uỷ ban kiểm tra (gọi chung là các cơ

quan tham mưu giúp việc của cấp uỷ) vừa phải tiến hành công tác kiểm tra, giám sát cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới, vừa chịu sự kiểm tra, giám sát của Đảng. Đảng đoàn, ban cán sự đảng, thường trực cấp uỷ từ cấp trên cơ sở trở lên và đảng viên chịu sự kiểm tra, giám sát của Đảng.

Tổ chức đảng cấp trên kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên. Tổ chức đảng và đảng viên phải thường xuyên tự kiểm tra.

Tổ chức đảng cấp trên giám sát tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên. Tổ chức đảng và đảng viên thực hiện nhiệm vụ giám sát theo sự phân công của tổ chức đảng có thẩm quyền.

45.2- Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng.

- Triển khai, quán triệt Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, của cấp uỷ cấp trên và cấp mình về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng. Xây dựng và chỉ đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới xây dựng phương hướng, nhiệm vụ kiểm tra, giám sát trong từng thời gian, phân công cấp uỷ viên, các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cùng cấp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát; chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện.

- Ban hành, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận về thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng; quy định về tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng của cấp mình theo thẩm quyền.

- Ban hành và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của cấp uỷ cấp trên và cấp mình, pháp luật của Nhà nước; việc thực hiện quy định của Đảng về những điều đảng viên không được làm.

- Nghe uỷ ban kiểm tra cấp mình báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng; lãnh đạo, chỉ đạo về tổ chức và hoạt động của uỷ ban kiểm tra, cơ quan uỷ ban kiểm tra; xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng của đảng bộ; giải quyết những kiến nghị của các tổ chức đảng cấp dưới; đề xuất với cấp có thẩm quyền bổ sung, sửa đổi hoặc ban hành các quy định, hướng dẫn về nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng.

- Lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức đảng thuộc phạm vi quản lý thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng; thực hiện giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng và các nhiệm vụ kiểm tra khi cần thiết.

45.3- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên (kể cả đảng viên là thành viên của tổ chức mình) thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách; giúp cấp uỷ kiểm tra, giám sát tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên trong việc thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng; pháp luật của Nhà nước; thực hiện Quy định về những điều đảng viên không được làm; kiểm tra, giám sát những nội dung do cấp uỷ giao.

Các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ sử dụng bộ máy của mình để kiểm tra, giám sát hoặc phối hợp với uỷ ban kiểm tra và các cơ quan tham mưu, giúp việc khác của cấp uỷ (theo sự chỉ đạo của cấp uỷ) để tiến hành công tác kiểm tra, giám sát.



45.4- Đảng đoàn, ban cán sự đảng căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, quy chế làm việc của mình và tình hình thực tế trong từng thời gian để lãnh đạo công tác kiểm tra việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng; pháp luật của Nhà nước.

45.5- Tổ chức đảng ở cơ sở kiểm tra, giám sát việc chấp hành Điều lệ Đảng, các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật Nhà nước ở cơ sở mình. Chi bộ kiểm tra, giám sát đảng viên trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

#### **46- Điều 31: Tổ chức uỷ ban kiểm tra**

46.1- Uỷ ban kiểm tra các cấp được thành lập từ đảng uỷ cơ sở trở lên, do cấp uỷ cùng cấp bầu, gồm một số đồng chí trong cấp uỷ và một số đồng chí ngoài cấp uỷ.

Các thành viên của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương hoạt động chuyên trách, uỷ ban kiểm tra tỉnh uỷ, thành uỷ, Quân uỷ Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương, đảng uỷ khối trực thuộc Trung ương; quận uỷ, huyện uỷ, thị uỷ, thành uỷ (thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ) và tương đương có thành viên kiêm nhiệm là trưởng ban hoặc phó trưởng ban tổ chức cấp uỷ là cấp uỷ viên, chánh thanh tra cùng cấp (nếu có).

46.2- Số lượng thành viên uỷ ban kiểm tra các cấp thực hiện theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị.

Uỷ ban Kiểm tra Trung ương phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn về tổ chức bộ máy của cơ quan uỷ ban kiểm tra cấp dưới.

46.3- Uỷ ban kiểm tra làm việc dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cùng cấp. Trường hợp giữa uỷ ban kiểm tra và ban thường vụ cấp uỷ, cấp uỷ cùng cấp có ý kiến khác nhau trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của uỷ ban kiểm tra theo quy định của Điều lệ Đảng thì phải chấp hành kết luận, quyết định của ban thường vụ cấp uỷ, cấp uỷ, đồng thời báo cáo uỷ ban kiểm tra cấp trên. Trường hợp uỷ ban kiểm tra cấp trên có ý kiến khác với ý kiến của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cấp dưới thì báo cáo cấp uỷ cùng cấp xem xét, quyết định. Trường hợp Uỷ ban Kiểm tra Trung ương có ý kiến khác với tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương thì báo cáo Ban Bí thư, Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

46.4 - Uỷ ban kiểm tra cấp trên hướng dẫn cấp uỷ và các tổ chức đảng cấp dưới về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát uỷ ban kiểm tra cấp dưới về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

#### **47- Điều 32 (khoản 4): Giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên**

47.1- Cấp uỷ hoặc ban thường vụ cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra các cấp có nhiệm vụ giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

47.2- Đảng viên phải nêu cao trách nhiệm trong tự phê bình và phê bình; khi báo cáo với Đảng, Nhà nước những việc làm sai trái của tập thể hoặc cá nhân, phải đúng sự thật, ghi rõ họ, tên, địa chỉ; cung cấp những tài liệu có liên quan đến nội dung tố cáo mà mình nắm được, chịu trách nhiệm về nội dung tố cáo, chỉ gửi đến tổ chức đảng và cá nhân có thẩm quyền giải quyết.

47.3- Tổ chức đảng phải bảo đảm quyền dân chủ của đảng viên và quần chúng trong việc giám sát, tố cáo, phản ánh về những tổ chức đảng hoặc đảng viên vi phạm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật Nhà nước; hướng dẫn người tố cáo thực hiện đúng các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước; giữ bí mật cho người tố cáo và có biện pháp bảo vệ người tố cáo; giải quyết dứt điểm và kịp thời các vụ việc bị tố cáo, chậm nhất là 90 ngày làm việc đối

với cấp tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương trở xuống, 180 ngày làm việc đối với cấp Trung ương; trường hợp hết thời hạn mà chưa giải quyết xong thì được gia hạn nhưng không quá 30 ngày làm việc, đồng thời phải thông báo bằng văn bản cho người tố cáo biết. Nghiêm cấm và kiên quyết xử lý những tổ chức, cá nhân truy tìm, trả thù, trù dập người tố cáo bằng bất kỳ hình thức nào; không để người bị tố cáo chủ trì giải quyết tố cáo liên quan đến bản thân, không để người tố cáo chủ trì giải quyết nội dung do mình tố cáo.

47.4- Trường hợp tố cáo có liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp, nội dung phức tạp cần phối hợp giải quyết, thì cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ chủ trì giải quyết hoặc chỉ đạo uỷ ban kiểm tra chủ trì và phối hợp với các tổ chức đảng có liên quan để giải quyết. Những trường hợp đã được cơ quan có thẩm quyền xem xét, kết luận và thông báo thì người tố cáo phải chấp hành. Trường hợp người tố cáo vụ không thì tùy theo mức độ, tính chất, nguyên nhân mà xem xét, xử lý theo quy định của Điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước.

47.5- Đơn, thư tố cáo không xem xét, giải quyết

Không xem xét, giải quyết những đơn tố cáo giấu tên, mạo tên, không rõ địa chỉ hoặc những đơn tố cáo có tên nhưng không có nội dung cụ thể, không có căn cứ thẩm tra, xác minh; những tố cáo đã được cơ quan có thẩm quyền xem xét, kết luận nay tố cáo lại nhưng không có thêm tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ việc; những đơn tố cáo không phải là bản do người tố cáo trực tiếp ký tên; đơn tố cáo có từ hai người trở lên cùng ký tên, đơn tố cáo của người không có năng lực hành vi dân sự.

47.6- Tổ chức đảng và đảng viên bị tố cáo, khi được kiểm tra phải báo cáo trung thực, rõ ràng, đầy đủ, kịp thời những vấn đề bị tố cáo với tổ chức đảng có thẩm quyền; được sử dụng những bằng chứng xác thực để chứng minh nội dung tố cáo không đúng.

Trong thời gian tổ chức đảng có thẩm quyền đang kiểm tra và chưa kết luận thì các quyền của đảng viên, của tổ chức đảng phải được bảo đảm.

## **48- Điều 34: Khen thưởng đối với tổ chức đảng và đảng viên**

48.1- Hình thức khen thưởng trong Đảng

a) Đối với tổ chức đảng: Biểu dương, tặng giấy khen, bằng khen, tặng cờ, tặng thưởng huân chương, huy chương và các danh hiệu vinh dự khác của Đảng và Nhà nước.

b) Đối với đảng viên: Biểu dương, tặng giấy khen, bằng khen, Huy hiệu Đảng 30 năm, 40 năm, 50 năm, 55 năm, 60 năm, 65 năm, 70 năm, 75 năm, 80 năm, 85 năm, 90 năm tuổi đảng, tặng thưởng huân chương, huy chương và các danh hiệu vinh dự khác của Đảng và Nhà nước.

48.2- Thẩm quyền khen thưởng:

a) Chi bộ: Biểu dương tổ đảng và đảng viên trong chi bộ.

b) Đảng uỷ bộ phận: Biểu dương tổ chức đảng và đảng viên trong đảng bộ.

c) Chi bộ cơ sở: Biểu dương, tặng giấy khen cho đảng viên trong chi bộ. Đảng uỷ cơ sở: Biểu dương, tặng giấy khen cho tổ chức đảng và đảng viên trong đảng bộ.

d) Huyện uỷ (và tương đương): Tặng giấy khen cho tổ chức đảng và đảng viên trong đảng bộ.

đ) Tinh uỷ (và tương đương): Tặng bằng khen, tặng cờ cho tổ chức đảng, tặng Huy hiệu Đảng 30 năm, 40 năm, 50 năm, 55 năm, 60 năm, 65 năm, 70 năm, 75 năm, 80 năm, 85 năm, 90 năm tuổi đảng, bằng khen cho đảng viên trong đảng bộ.

e) Việc tặng thưởng huân chương, huy chương và các danh hiệu cao quý khác cho tổ chức đảng và đảng viên thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và pháp luật về thi đua - khen thưởng.

#### 48.3- Tiêu chuẩn, đối tượng và thủ tục khen thưởng

a) Tiêu chuẩn, đối tượng tặng Huy hiệu Đảng:

Những đảng viên hoạt động cách mạng lâu năm, giữ gìn được tư cách đảng viên, có đủ 30 năm, 40 năm, 50 năm, 55 năm, 60 năm, 65 năm, 70 năm, 75 năm, 80 năm, 85 năm, 90 năm tuổi đảng trở lên thì được tặng Huy hiệu Đảng. Đảng viên đã từ trần, nếu thời gian tham gia sinh hoạt đảng có đủ tuổi đảng như nêu trên thì được truy tặng Huy hiệu Đảng. Tại thời điểm xét tặng Huy hiệu Đảng, đảng viên bị kỷ luật về Đảng từ hình thức cảnh cáo trở lên thì chưa được xét tặng; sau 6 tháng (đối với kỷ luật cảnh cáo), 1 năm (đối với kỷ luật cách chức), nếu sửa chữa tốt khuyết điểm sẽ được xét tặng Huy hiệu Đảng. Đảng viên bị bệnh nặng có thể được xét tặng Huy hiệu Đảng sớm, nhưng thời gian xét tặng sớm không được quá một năm so với thời gian quy định.

b) Việc tặng giấy khen, bằng khen, tặng cờ đối với tổ chức đảng, tặng giấy khen, bằng khen đối với đảng viên và thủ tục xét tặng Huy hiệu Đảng, các hình thức khen thưởng khác ở trong Đảng thực hiện theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

#### 48.4- Giá trị tặng phẩm kèm theo các hình thức khen thưởng của Đảng

- Tặng phẩm kèm theo các hình thức khen thưởng huân chương, huy chương và các danh hiệu cao quý khác thực hiện theo quy định chung của Nhà nước.

- Tặng phẩm kèm theo đối với đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng và các hình thức khen thưởng khác trong Đảng được quy định thống nhất, nguồn kinh phí được trích từ quỹ khen thưởng chung của các địa phương, ngành hoặc một phần từ tài chính đảng theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và Văn phòng Trung ương Đảng.

#### 49- Điều 35, Điều 36: Thi hành kỷ luật trong Đảng.

49.1- Đảng viên vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật đều phải thi hành kỷ luật nghiêm minh, không có ngoại lệ; vi phạm đến mức khai trừ thì phải khai trừ, không áp dụng biện pháp xoá tên, không chấp nhận việc xin ra khỏi Đảng; cấp uỷ viên vi phạm đến mức cách chức thì phải cách chức, không để thôi giữ chức; đảng viên dự bị vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì áp dụng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo, không đủ tư cách thì xoá tên trong danh sách đảng viên.

Đảng viên vi phạm đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đang mất khả năng nhận thức, bị ốm điều trị nội trú tại bệnh viện được cơ quan y tế có thẩm quyền theo quy định của pháp luật xác nhận thì chưa xem xét, xử lý kỷ luật.

49.2- Đảng viên bị cách chức vụ về Đảng thì cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ quản lý đảng viên đó phải kịp thời chỉ đạo tổ chức nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội có thẩm quyền, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày đảng viên bị cách chức, phải xem xét, xử lý kỷ luật về chính quyền, đoàn thể (nếu có) theo quy định của cơ quan nhà nước và điều lệ của đoàn thể.

### 49.3- Thẩm quyền thi hành kỷ luật đảng viên

a) Chi bộ (gồm chi bộ cơ sở, chi bộ trực thuộc đảng uỷ cơ sở hoặc chi bộ trong đảng bộ bộ phận) quyết định khiển trách, cảnh cáo đối với đảng viên sinh hoạt trong chi bộ (kể cả cấp uỷ viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý) vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên (trừ nhiệm vụ do cấp trên giao). Đối với cấp uỷ viên các cấp sinh hoạt tại chi bộ, từ uỷ viên đảng uỷ cơ sở cho đến Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương và cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý, nếu vi phạm nhiệm vụ do cấp trên giao (nhiệm vụ do cấp uỷ giao, hoặc nhiệm vụ chuyên môn được giao) phải áp dụng hình thức kỷ luật từ khiển trách trở lên thì chi bộ đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Đảng uỷ cơ sở quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong đảng bộ, cách chức cấp uỷ viên cấp dưới.

Quyết định cách chức bí thư, phó bí thư, cấp uỷ viên của chi bộ hoặc đảng uỷ bộ phận trực thuộc nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp hoặc cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý.

Đối với cấp uỷ viên cấp trên trực tiếp trở lên và cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý sinh hoạt tại đảng bộ, nếu vi phạm đến mức phải kỷ luật, thì đảng uỷ cơ sở đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Đảng uỷ cơ sở được uỷ quyền quyết định kết nạp đảng viên thì có quyền quyết định khai trừ đảng viên, nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp và đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý.

- Đảng uỷ bộ phận và ban thường vụ đảng uỷ cơ sở không được quyền thi hành kỷ luật đảng viên, nhưng có trách nhiệm thẩm tra việc đề nghị thi hành kỷ luật của chi bộ. Ban thường vụ đảng uỷ cơ sở có trách nhiệm thẩm tra đề nghị của uỷ ban kiểm tra đảng uỷ cơ sở để đề nghị đảng uỷ cơ sở xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

b) Cấp uỷ tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên; quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp uỷ viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên; quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp uỷ viên cùng cấp vi phạm nhiệm vụ do cấp uỷ giao.

Ban thường vụ cấp uỷ quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên; quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp uỷ viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên, cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý vi phạm nhiệm vụ chuyên môn được giao.

c) Ban Chấp hành Trung ương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương, Uỷ viên Ban Bí thư, Uỷ viên Bộ Chính trị.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; khiển trách, cảnh cáo Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

d) Tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên khi phát hiện đảng viên là cấp uỷ viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên, phải chỉ đạo tổ chức đảng cấp dưới, trước hết là chi bộ xem xét, xử lý kỷ luật theo thẩm quyền. Trường hợp tổ chức đảng cấp dưới không xem xét, xử lý hoặc xử lý không đúng mức thì tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, xử lý; đồng thời xem xét trách nhiệm của tổ chức đảng cấp dưới và người đứng đầu tổ chức đảng đó.

49.4- Đảng viên tham gia nhiều cấp ủy (trừ Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương), vi phạm đến mức phải cách chức cấp ủy viên cao nhất hoặc khai trừ thì ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp của cấp ủy cấp cao nhất mà đảng viên đó là thành viên quyết định; nếu cách chức cấp ủy viên ở một cấp ủy cấp dưới thì do ban thường vụ cấp ủy quản lý đảng viên đó quyết định.

Trong một cấp ủy có ban thường vụ, nếu chỉ cách chức bí thư hoặc phó bí thư thì vẫn còn là ủy viên ban thường vụ; nếu cách chức ủy viên ban thường vụ thì còn là cấp ủy viên; khi bị cách chức cấp ủy viên thì đương nhiên không còn chức bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ.

Đảng viên tham gia nhiều cấp ủy, giữ nhiều chức vụ, bị kỷ luật bằng hình thức cách chức một chức vụ đương nhiệm (hoặc chức vụ trước đó), thì cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy có thẩm quyền phải xem xét các chức vụ khác, có thể cách chức hoặc cho thôi giữ một hoặc nhiều chức vụ khác.

Đảng viên sau khi chuyển sinh hoạt đảng sang tổ chức đảng mới bị phát hiện hoặc bị tố cáo có vi phạm kỷ luật ở nơi sinh hoạt đảng trước đây mà chưa được xem xét, xử lý thì do tổ chức đảng cấp trên của các tổ chức đó xem xét, xử lý. Việc xem xét, xử lý kỷ luật đối với đảng viên vi phạm được tiến hành ở các tổ chức đảng nơi đảng viên đó hiện đang sinh hoạt.

49.5- Đảng viên sinh hoạt đảng tạm thời vi phạm kỷ luật, thì cấp ủy nơi đảng viên sinh hoạt tạm thời có trách nhiệm xem xét, xử lý tới mức cảnh cáo. Sau khi xử lý kỷ luật phải thông báo bằng văn bản cho cấp ủy nơi đảng viên sinh hoạt chính thức biết. Trường hợp phải xử lý kỷ luật ở mức cao hơn, cấp ủy nơi đảng viên sinh hoạt tạm thời phải thông báo bằng văn bản nội dung, tính chất, mức độ, tác hại và nguyên nhân vi phạm để cấp ủy nơi quản lý chính thức đảng viên đó xem xét, xử lý; đồng thời báo cáo với cấp ủy cấp trên của tổ chức đảng nơi quản lý chính thức đảng viên đó biết và chỉ đạo việc xử lý.

49.6- Ủy viên ủy ban kiểm tra không phải là cấp ủy viên thì việc xử lý kỷ luật khiển trách, cảnh cáo thực hiện như đối với cán bộ do cấp ủy cùng cấp quản lý; trường hợp kỷ luật cách chức, khai trừ do cấp ủy cùng cấp quyết định.

49.7- Việc biểu quyết quyết định kỷ luật hoặc đề nghị kỷ luật phải bằng phiếu kín.

Sau khi xem xét, kết luận, tổ chức đảng phải biểu quyết bằng phiếu kín việc có kỷ luật hay không kỷ luật. Nếu kết quả biểu quyết không kỷ luật thì phải báo cáo tổ chức đảng cấp trên. Trường hợp kết quả biểu quyết đến mức phải kỷ luật thì bỏ phiếu quyết định hình thức kỷ luật cụ thể. Trường hợp biểu quyết mà không có hình thức kỷ luật nào đủ đa số phiếu theo quy định tại điểm 16.3 Quy định này thì phải báo cáo đầy đủ hồ sơ để tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, quyết định. Quyết định của cấp có thẩm quyền phải được chấp hành nghiêm chỉnh.

49.8- Đối với đảng viên là cấp ủy viên các cấp hoặc cán bộ thuộc diện cấp ủy các cấp quản lý đã nghỉ hưu, nếu có vi phạm khi đang công tác, nay mới phát hiện thì thẩm quyền thi hành kỷ luật của các tổ chức đảng được thực hiện như đương chức; nếu vi phạm kỷ luật khi đã nghỉ hưu thì do tổ chức đảng quản lý đảng viên đó xem xét, xử lý kỷ luật theo thẩm quyền.

49.9- Cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp căn cứ nội dung, tính chất, mức độ tác hại và nguyên nhân vi phạm của đối tượng bị kỷ luật và các tình tiết tăng nặng, hoặc giảm nhẹ để xem xét, quyết định xử lý kỷ luật bằng hình thức thích hợp theo thẩm quyền và phải chịu trách nhiệm trước quyết định đó. Trường hợp cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp quyết định kỷ luật đảng viên oan, sai thì phải thay đổi hoặc hủy bỏ quyết định đó; đồng thời phải tự phê bình, kiểm điểm, rút kinh nghiệm, nếu vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên xem xét, quyết định.

**50- Điều 39 (khoản 2, khoản 7): Việc giải quyết khiếu nại kỷ luật trong Đảng**

50.1- Tổ chức đảng vi phạm kỷ luật thì các cơ quan lãnh đạo, thường trực cơ quan lãnh đạo hoặc người đứng đầu của tổ chức đảng đó chuẩn bị nội dung kiểm điểm, báo cáo trước hội nghị tổ chức mình để kiểm điểm làm rõ đúng, sai, nội dung, mức độ, tính chất, tác hại, nguyên nhân của vi phạm, xác định trách nhiệm của tổ chức, từng thành viên và biểu quyết tự nhận hình thức kỷ luật của tổ chức, của từng thành viên có liên quan và báo cáo lên tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền xem xét, quyết định. Đại diện của tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền tham dự hội nghị này.

Nếu tổ chức đảng sau khi sáp nhập, chia tách hoặc kết thúc hoạt động mới phát hiện có vi phạm thì tổ chức đảng có thẩm quyền, cấp trên của tổ chức đảng đó xem xét, xử lý.

50.2- Cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp có nhiệm vụ giải quyết khiếu nại kỷ luật trong Đảng. Ban Thường vụ cấp ủy và ủy ban kiểm tra sau khi giải quyết khiếu nại kỷ luật Đảng phải báo cáo với cấp ủy.

50.3- Khi giải quyết khiếu nại kỷ luật trong Đảng, Đảng ủy cơ sở, ban thường vụ cấp ủy và ủy ban kiểm tra từ cấp huyện, quận và tương đương trở lên có thẩm quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ hình thức kỷ luật do tổ chức đảng cấp dưới quyết định. Sau khi xem xét, kết luận, tổ chức đảng phải biểu quyết bằng phiếu kín quyết định chuẩn y hay thay đổi hình thức kỷ luật cụ thể. Trường hợp biểu quyết quyết định chuẩn y hay thay đổi hình thức kỷ luật cụ thể không đủ đa số phiếu theo quy định thì báo cáo tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Trường hợp cần thay đổi hình thức kỷ luật với mức cao hơn, vượt quá thẩm quyền thì phải báo cáo lên cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định tại Điều 36, Điều 37 Chương VIII, Điều lệ Đảng.

50.4- Ban thường vụ, ủy ban kiểm tra của đảng ủy cơ sở và đảng ủy bộ phận có trách nhiệm xem xét khiếu nại về kỷ luật đảng của đảng viên do chi bộ quyết định, nhưng không có quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ hình thức kỷ luật mà phải đề nghị đảng ủy cơ sở xem xét, quyết định.

50.5- Khi nhận được những khiếu nại vượt cấp thì tổ chức đảng cấp trên chuyển cho tổ chức đảng cấp dưới có thẩm quyền giải quyết.

Tổ chức đảng khi nhận được đơn khiếu nại về kỷ luật đảng không thuộc thẩm quyền giải quyết thì chuyển cho các tổ chức đảng có thẩm quyền giải quyết, đồng thời báo cho người khiếu nại biết. Tổ chức đảng có thẩm quyền giải quyết phải thông báo kết quả giải quyết cho người khiếu nại biết.

50.6- Việc giải quyết khiếu nại về kỷ luật được tiến hành từ ủy ban kiểm tra hoặc cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức đảng đã quyết định thi hành kỷ luật. Sau khi được giải quyết, nếu đảng viên hoặc tổ chức đảng bị thi hành kỷ luật không đồng ý, có khiếu nại tiếp thì tổ chức đảng cấp trên tiếp tục giải quyết, cho đến Bộ Chính trị hoặc Ban Chấp hành Trung ương.

50.7- Khi nhận được khiếu nại kỷ luật, cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra phải thông báo cho tổ chức đảng và đảng viên khiếu nại biết. Kể từ ngày nhận được khiếu nại, trong thời hạn 90 ngày làm việc đối với cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tương đương trở xuống, 180 ngày làm việc đối với cấp Trung ương, cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra phải xem xét giải quyết, trả lời cho tổ chức đảng hoặc người khiếu nại biết, trường hợp hết thời hạn chưa giải quyết xong thì phải thông báo cho người khiếu nại biết.

Chỉ giải quyết những nội dung quyết định kỷ luật đảng mà đối tượng bị kỷ luật có khiếu nại. Trong quá trình giải quyết, nếu phát hiện đối tượng khiếu nại có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn tố cáo thì cấp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại xem xét, giải quyết.

Nghiêm cấm các hành vi cản trở, dìm bỏ không xem xét, giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

50.8- Không giải quyết những trường hợp khiếu nại sau đây: Quá thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức đảng, đảng viên vi phạm được tổ chức đảng có thẩm quyền công bố quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật (căn cứ biên bản công bố) đến ngày đảng viên bị kỷ luật gửi đơn khiếu nại kỷ luật trực tiếp hoặc theo dấu bưu điện đến tổ chức đảng có thẩm quyền; khiếu nại đang được cấp trên có thẩm quyền giải quyết; đã được cấp có thẩm quyền cao nhất xem xét, kết luận; bị tòa án quyết định hình phạt tù cải tạo không giam giữ trở lên chưa được cơ quan pháp luật có thẩm quyền hủy bỏ bản án; khiếu nại hộ; khiếu nại khi chưa nhận được quyết định kỷ luật bằng văn bản của tổ chức đảng có thẩm quyền.

Trường hợp người bị thi hành kỷ luật có khiếu nại chưa được giải quyết mà đã qua đời thì tổ chức đảng vẫn phải xem xét, giải quyết.

#### **51- Điều 40 (khoản 4): Việc đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng**

51.1- Việc đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng nhằm ngăn chặn hành vi gây trở ngại cho việc xem xét, kết luận của tổ chức đảng có thẩm quyền, hoặc hành vi làm cho vi phạm trở nên nghiêm trọng hơn. Do đó, chỉ áp dụng trong các trường hợp sau:

a) Đảng viên (kể cả cấp ủy viên) bị cơ quan pháp luật có thẩm quyền quyết định truy tố, tạm giam; có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng mà có hành vi cụ thể cố ý gây trở ngại cho hoạt động của cấp ủy và công tác kiểm tra, kỷ luật của Đảng thì phải đình chỉ sinh hoạt đảng.

b) Cấp ủy viên có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng mà có hành vi cụ thể, cố ý gây trở ngại cho công tác kiểm tra kỷ luật của Đảng hoặc bị cơ quan pháp luật có thẩm quyền ra quyết định khởi tố thì đình chỉ sinh hoạt cấp ủy. Cấp ủy viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng thì đương nhiên bị đình chỉ sinh hoạt cấp ủy.

c) Tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng mà có hành vi cụ thể cố ý gây trở ngại cho hoạt động của tổ chức đảng, cho công tác lãnh đạo và kiểm tra của Đảng thì đình chỉ hoạt động.

51.2- Thời hạn đình chỉ sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp ủy, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng

a) Thời hạn đình chỉ sinh hoạt đảng đối với đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy đối với cấp ủy viên có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng là 90 ngày làm việc; trường hợp cần thiết phải gia hạn thì thời hạn đình chỉ kể cả gia hạn không quá 180 ngày làm việc.

b) Thời hạn đình chỉ hoạt động đối với tổ chức đảng không quá 90 ngày làm việc.

c) Thời hạn đình chỉ sinh hoạt đảng đối với đảng viên, cấp ủy viên bị truy tố, tạm giam; thời hạn đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên được tính theo thời hạn khởi tố, truy tố, thời hạn tạm giam (kể cả gia hạn nếu có) theo quy định của pháp luật.

Đảng viên là thủ trưởng của cơ quan pháp luật có thẩm quyền, quyết định khởi tố, truy tố, tạm giam đối với công dân là đảng viên phải chỉ đạo thông báo ngay bằng văn bản các quyết định nói trên (kể cả khi gia hạn) đến cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra của cấp ủy quản lý đảng viên đó. Tổ chức đảng quản lý đảng viên bị khởi tố, tạm giam, truy tố cần chủ động quan hệ với tổ chức đảng và đảng viên là thủ trưởng cơ quan pháp luật (cơ quan điều tra, cơ quan kiểm sát, cơ quan xét xử), nắm chắc thời hạn bị khởi tố, truy tố, tạm giam của đảng viên, không để bị kéo dài so với quy định của pháp luật.

51.3- Thẩm quyền đình chỉ sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp ủy, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng.

Tổ chức đảng nào có thẩm quyền khai trừ đảng viên, cách chức cấp uỷ viên, giải tán tổ chức đảng thì tổ chức đảng đó có thẩm quyền đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ của cấp uỷ viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng.

a) Đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên do chi bộ và đảng uỷ cơ sở đề nghị, uỷ ban kiểm tra cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng hoặc đảng uỷ cơ sở được uỷ quyền quyết định. Đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý, chi bộ và đảng uỷ cơ sở đề nghị, ban thường vụ cấp uỷ quản lý cán bộ đó quyết định.

b) Đình chỉ sinh hoạt đảng hoặc đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ của cấp uỷ viên do chi bộ hoặc cấp uỷ cùng cấp đề nghị, cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định. Nếu đảng viên tham gia nhiều cấp uỷ thì cấp uỷ phát hiện đảng viên có dấu hiệu vi phạm đề nghị, cấp uỷ có thẩm quyền cách chức cấp uỷ viên, khai trừ đảng viên đó quyết định.

c) Đình chỉ hoạt động của một tổ chức đảng do cấp uỷ cấp trên trực tiếp đề nghị, cấp uỷ cấp trên cách một cấp quyết định. Đình chỉ hoạt động của một cấp uỷ hoặc ban thường vụ cấp uỷ trực thuộc Trung ương do Bộ Chính trị hoặc Ban Bí thư quyết định và báo cáo với Ban Chấp hành Trung ương. Riêng đối với cấp uỷ các cấp bị đình chỉ hoạt động, sau khi có quyết định đình chỉ, cấp uỷ cấp trên trực tiếp chỉ định một cấp uỷ lâm thời để tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ của cấp uỷ đã bị đình chỉ hoạt động. Nếu cấp uỷ bị đình chỉ hoạt động được quyết định trở lại hoạt động hoặc bị kỷ luật giải tán và đã lập lại tổ chức đảng, thì cấp uỷ lâm thời đương nhiên giải thể.

d) Khi có đủ căn cứ phải đình chỉ mà tổ chức đảng cấp dưới không đề nghị đình chỉ hoặc không đình chỉ và trong trường hợp cần thiết, thì tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền ra quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, sinh hoạt cấp uỷ của cấp uỷ viên hoặc đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng. Quyết định đó được thông báo cho đảng viên, cấp uỷ viên bị đình chỉ sinh hoạt, tổ chức đảng bị đình chỉ hoạt động và các tổ chức đảng có liên quan để chấp hành.

đ) Uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện việc đình chỉ sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp uỷ, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng thuộc phạm vi quản lý của cấp uỷ cấp mình; giúp cấp uỷ làm các thủ tục đình chỉ sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp uỷ, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng theo đúng quy định.

51.4- Trường hợp đặc biệt, đối với những vụ việc đang trong quá trình điều tra, kiểm tra, giám sát, nhận thấy cán bộ có dấu hiệu liên quan đến trách nhiệm cá nhân hoặc có những dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng, nếu để đương chức có trở ngại cho việc xem xét, kết luận, thì ngoài việc đã đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên hoặc đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ của cấp uỷ viên, tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định đình chỉ chức vụ trong Đảng (cả chức vụ bầu cử và chức vụ bổ nhiệm) mà cán bộ đó đang đảm nhiệm; đồng thời giao trách nhiệm cho ban cán sự đảng, đảng đoàn hoặc cấp uỷ nơi quản lý cán bộ đó mà chỉ đạo tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp quyết định đình chỉ chức vụ về chính quyền, đoàn thể theo thẩm quyền và theo quy định của Nhà nước, của tổ chức đó.

Sau khi kết thúc điều tra, kiểm tra, nếu cán bộ đó vi phạm pháp luật thì xử lý theo quy định của pháp luật; đồng thời phải xem xét, thi hành kỷ luật Đảng. Nếu cán bộ đó không vi phạm hoặc vi phạm không đến mức cách chức thì khôi phục lại chức vụ đã đình chỉ hoặc bổ trí làm công tác khác.

Trường hợp tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội có thẩm quyền đình chỉ chức vụ về chính quyền hoặc đoàn thể đối với đảng viên, thì đảng viên là thủ trưởng hoặc tổ chức đảng trong cơ quan của đảng viên đó phải kịp thời thông báo cho uỷ ban kiểm tra cùng cấp để uỷ ban kiểm tra đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, quyết định việc đình chỉ sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp uỷ hoặc đình chỉ chức vụ về Đảng mà đảng viên đó đang đảm nhiệm.



51.5- Trong thời gian đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng, cấp uỷ viên bị đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ, tổ chức đảng bị đình chỉ hoạt động, cán bộ bị đình chỉ chức vụ phải chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của tổ chức đảng có thẩm quyền (trường trình sự việc, tự kiểm điểm về những vi phạm, thực hiện các nhiệm vụ được giao...); được đề đạt ý kiến của mình với tổ chức đảng có thẩm quyền nhưng không được lấy danh nghĩa tổ chức đảng hoặc danh nghĩa cấp uỷ viên, danh nghĩa chức vụ đã bị đình chỉ để điều hành công việc.

51.6- Tổ chức đảng có thẩm quyền phải nhanh chóng xem xét, kết luận rõ nội dung vi phạm của đảng viên, cấp uỷ viên bị đình chỉ sinh hoạt, tổ chức đảng bị đình chỉ hoạt động, cán bộ bị đình chỉ chức vụ để quyết định việc đảng viên, cấp uỷ viên trở lại sinh hoạt, tổ chức đảng trở lại hoạt động, cán bộ trở lại chức vụ cũ hoặc bố trí làm việc khác và xem xét, xử lý kỷ luật bằng hình thức thích hợp cả về Đảng, về chính quyền, về đoàn thể. Trường hợp không thuộc thẩm quyền của mình thì phải chỉ đạo hoặc kiến nghị với các tổ chức đảng có thẩm quyền để xem xét, quyết định.

51.7- Khi đảng viên hết thời hạn bị tạm giam (kể cả gia hạn, nếu có), không còn bị cơ quan pháp luật truy tố, thì đảng viên là thủ trưởng và tổ chức đảng các cơ quan pháp luật (cơ quan điều tra, cơ quan kiểm sát, cơ quan xét xử) có trách nhiệm thông báo kịp thời bằng văn bản đến cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ quản lý đảng viên đó để xem xét việc quyết định cho đảng viên trở lại sinh hoạt và xem xét, xử lý kỷ luật đảng theo mức độ vi phạm.

51.8- Trường hợp hết thời hạn tạm giam hoặc không bị tạm giam nhưng vẫn bị truy tố, xét xử thì chưa quyết định cho đảng viên trở lại sinh hoạt đảng. Khi đảng viên bị khởi tố, truy tố hoặc bị tạm giam, nếu tổ chức đảng có thẩm quyền kết luận rõ đảng viên đó có vi phạm đến mức phải xử lý thì phải chủ động xem xét, xử lý kỷ luật đảng, không nhất thiết phải chờ kết luận hoặc tuyên phạt của toà án có thẩm quyền. Sau khi có bản án hoặc quyết định của toà án, tổ chức đảng có thẩm quyền thì hành kỷ luật xem xét quyết định tăng nặng hoặc giảm nhẹ hình thức kỷ luật đảng đối với đảng viên vi phạm.

## **52- Điều 41 (khoản 2): Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ**

### 52.1- Nguyên tắc quản lý cán bộ

a) Đảng đề ra đường lối, chủ trương, chính sách, tiêu chuẩn, quy chế, quy định về công tác cán bộ và thông qua các cấp uỷ, tổ chức đảng, đảng viên trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp để lãnh đạo các cấp, các ngành tổ chức thực hiện các quyết định của Đảng về cán bộ và công tác cán bộ.

b) Tập thể cấp uỷ và tổ chức đảng có thẩm quyền thảo luận dân chủ và quyết định theo đa số những vấn đề về đường lối, chủ trương, chính sách, đánh giá, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật cán bộ. Khi ý kiến người đứng đầu khác ý kiến của tập thể cấp uỷ, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị thì phải báo cáo lên cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

c) Người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm đề xuất và tổ chức thực hiện các quyết định của tập thể về cán bộ và công tác cán bộ trong lĩnh vực được phân công phụ trách.

d) Cá nhân đề xuất, cơ quan thẩm định, quyết định để cán bộ phải chịu trách nhiệm về đề xuất, thẩm định, quyết định của mình.

đ) Cán bộ, đảng viên phải chấp hành nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của cấp uỷ, tổ chức đảng; cấp uỷ cấp dưới phải chấp hành quyết định của cấp uỷ cấp trên về cán bộ và công tác cán bộ.

e) Mỗi cấp uỷ, tổ chức đảng, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm trực tiếp quản lý cán bộ (kể cả các đồng chí Uỷ viên Trung ương) đang công tác, sinh hoạt trong tổ chức mình và chịu trách nhiệm trước cấp uỷ, thủ trưởng cấp trên về cán bộ thuộc quyền quản lý của mình.

52.2- Quản lý cán bộ bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Tuyển chọn, bố trí, phân công, điều động, luân chuyển cán bộ, phân cấp quản lý cán bộ.

b) Đánh giá cán bộ.

c) Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

d) Bổ nhiệm miễn nhiệm cán bộ.

đ) Khen thưởng, kỷ luật cán bộ.

e) Thực hiện chế độ, chính sách cán bộ.

g) Kiểm tra, giám sát công tác cán bộ; giải quyết khiếu nại, tố cáo về cán bộ.

**53- Điều 41 (khoản 3): Đảng giới thiệu cán bộ đủ tiêu chuẩn để ứng cử hoặc bổ nhiệm vào cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội**

53.1- Tiêu chuẩn chung của cán bộ

- Có tinh thần yêu nước sâu sắc, tận tụy phục vụ nhân dân, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phấn đấu thực hiện có kết quả đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

- Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Không tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng. Có ý thức tổ chức kỷ luật. Trung thực, không cơ hội, gắn bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân tín nhiệm.

- Có trình độ hiểu biết về chính trị, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; có trình độ văn hoá, chuyên môn, đủ năng lực và sức khoẻ để làm việc có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

53.2- Phân cấp việc giới thiệu cán bộ để bầu hoặc bổ nhiệm vào cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội.

a) Ở Trung ương:

- Ban Chấp hành Trung ương giới thiệu 3 chức danh: Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ để Quốc hội bầu; tham gia ý kiến về nhân sự Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Toà án Nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm các uỷ ban của Quốc hội và các thành viên Chính phủ.

- Bộ Chính trị giới thiệu các chức danh thuộc diện Bộ Chính trị quản lý để Chính phủ trình Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội bầu.

- Ban Bí thư giới thiệu các chức danh thuộc diện Ban Bí thư quản lý để Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm; Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội bầu.

b) Ở địa phương:

- Ban Chấp hành đảng bộ các cấp giới thiệu chức danh chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch uỷ ban nhân dân để hội đồng nhân dân bầu; tham gia ý kiến về nhân sự phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch uỷ ban nhân dân trước khi ban thường vụ cấp uỷ quyết định giới thiệu để hội đồng nhân dân bầu.

- Ban thường vụ cấp uỷ các cấp giới thiệu các chức danh thuộc diện ban thường vụ quản lý để uỷ ban nhân dân các cấp xem xét, bổ nhiệm, hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội bầu.

#### **54- Điều 42 (khoản 1): Việc lập đảng đoàn trong cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội**

54.1- Ở cấp Trung ương: Lập Đảng đoàn Quốc hội, Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội: Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

Đối với các tổ chức hội quần chúng, lập Đảng đoàn ở các Liên hiệp Hội: Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Liên hiệp Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam... Một số hội chính trị - xã hội có quy mô lớn, có vị trí quan trọng được lập đảng đoàn theo quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

54.2- Ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: lập đảng đoàn hội đồng nhân dân tỉnh, uỷ ban mặt trận tổ quốc tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh: hội liên hiệp phụ nữ, liên đoàn lao động, hội cựu chiến binh tỉnh, hội nông dân tỉnh, liên hiệp các hội văn học - nghệ thuật tỉnh, liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh.

#### **55- Điều 43 (khoản 1): Việc lập ban cán sự đảng trong cơ quan hành pháp, tư pháp**

Ở cấp Trung ương: Lập Ban cán sự đảng Chính phủ, ban cán sự đảng bộ, ngành quản lý nhà nước, các cơ quan tư pháp.

Ở cấp tỉnh: Lập ban cán sự đảng uỷ ban nhân dân và ban cán sự đảng cơ quan tư pháp tỉnh.

Tổ chức và nhân sự của đảng đoàn, ban cán sự đảng ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do ban tổ chức tỉnh uỷ, thành uỷ trình ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ quyết định. Ở Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định.

Ngoài các quy định trên đây, nơi nào cần lập đảng đoàn, ban cán sự đảng thì giao Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu, trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

#### **56- Điều 42, Điều 43: Nhiệm vụ và quyền hạn của đảng đoàn, ban cán sự đảng**

- Đảng đoàn, ban cán sự đảng lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện Cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chính sách, nghị quyết, chỉ thị của Đảng; phương hướng; nhiệm vụ chính trị, tổ chức, cán bộ của ngành, đơn vị; lãnh đạo kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng; quyết định những vấn đề về tổ chức, cán bộ theo phân công, phân cấp quản lý cán bộ; phối hợp với các cấp uỷ đảng để xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh; chịu trách nhiệm trước cấp uỷ về các đề xuất và quyết định của mình.

- Đảng đoàn, ban cán sự đảng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số. Khi các thành viên của đảng đoàn, ban cán sự đảng có ý kiến khác nhau, qua thảo luận không thống nhất được thì xin ý kiến chỉ đạo của cấp uỷ: Ở Trung ương báo cáo, xin ý kiến Bộ Chính trị, Ban Bí thư; ở tỉnh, thành phố báo cáo, xin ý kiến ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ.

- Đảng đoàn, ban cán sự đảng họp định kỳ 3 tháng 1 lần, họp bất thường khi cần. Các cuộc họp đều phải ghi biên bản, có kết luận và ra nghị quyết để lưu hành, thực hiện trong nội bộ. Đồng chí bí thư chủ trì công việc chung, chủ tọa các cuộc họp, trực tiếp báo cáo hoặc ký các văn bản báo cáo với cấp uỷ cùng cấp. Hằng năm, đảng đoàn, ban cán sự đảng báo cáo cấp uỷ cùng cấp (ở Trung ương báo cáo Ban Bí thư, ở tỉnh, thành phố báo cáo ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ) về tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác tổ chức, cán bộ của bộ, ngành, đoàn thể mình.

- Đảng đoàn, ban cán sự đảng sử dụng bộ máy giúp việc chuyên trách của cơ quan, đơn vị để thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo của mình. Nếu xét thấy cần thiết thì tập thể đảng đoàn, ban cán sự đảng có thể quyết định bố trí một số cán bộ chuyên trách giúp việc.

### **57- Điều 42, Điều 43: Việc thực hiện chức năng lãnh đạo của Đảng ở những nơi không lập đảng đoàn, ban cán sự đảng**

Ở những nơi không lập đảng đoàn hoặc ban cán sự đảng, để thực hiện chức năng lãnh đạo của Đảng, cấp uỷ giao trách nhiệm cho cấp uỷ viên và đảng viên là cán bộ phụ trách các cơ quan, đoàn thể cùng cấp phát huy vai trò, trách nhiệm của đảng uỷ, chi uỷ trong các cơ quan, đơn vị đó theo chức năng, nhiệm vụ đã được quy định.

Khi tập thể lãnh đạo cơ quan, đoàn thể thảo luận, quyết định về chủ trương, nhiệm vụ và công tác cán bộ của ngành, đoàn thể và cơ quan, thì đảng viên là thủ trưởng cơ quan và lãnh đạo đoàn thể đó mời đại diện của đảng uỷ, chi uỷ cơ quan tham gia. Khi cấp uỷ họp bàn về việc thực hiện nghị quyết của Đảng thì đảng uỷ, chi uỷ mời thủ trưởng tham dự (nếu thủ trưởng không trong cấp uỷ hoặc không phải là đảng viên).

### **58- Điều 44: Cấp uỷ đảng lãnh đạo tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cùng cấp**

Cấp uỷ cùng cấp phân công cấp uỷ viên theo dõi, kiểm tra hoạt động của tổ chức đoàn. Định kỳ hằng năm, tập thể ban thường vụ cấp uỷ nghe báo cáo để lãnh đạo, chỉ đạo về hoạt động của tổ chức đoàn cùng cấp.

### **59- Điều 46: Đảng phí, nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, tài sản của Đảng**

59.1- Đảng phí: Đảng viên đóng đảng phí trên cơ sở tiền lương, tiền công, khoản thu nhập coi như tiền lương, tiền công, sinh hoạt phí và các khoản phụ cấp theo tiền lương, tiền công, sinh hoạt phí... theo quy định của Bộ Chính trị.

59.2- Nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, tài sản của Đảng

- Kinh phí hoạt động của tổ chức đảng các cấp sử dụng đảng phí, tài chính của Đảng theo quy định của Bộ Chính trị, hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng và Bộ Tài chính.

- Cấp uỷ các cấp lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động tài chính và quản lý tài sản của Đảng ở các tổ chức đảng cấp dưới; chịu trách nhiệm trước cấp uỷ cấp trên và các tổ chức đảng cấp dưới về các hoạt động và quản lý tài chính, tài sản ở cấp mình.

- Cấp uỷ các cấp có thể lập các hình thức tổ chức phù hợp (phòng, bộ phận...) hoặc cử cán bộ giúp cấp uỷ thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính và tài sản của Đảng ở cấp mình theo sự hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và Văn phòng Trung ương Đảng. Các tổ chức đó có trách nhiệm giúp cấp uỷ hướng dẫn, kiểm tra cấp uỷ và cơ quan tài chính, quản trị của tổ chức đảng cấp dưới về nghiệp vụ tài chính, quản lý và sử dụng tài sản của Đảng; định kỳ báo cáo với cấp uỷ cấp mình xem xét về kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính và tài sản được giao.

- Tài chính, tài sản của Đảng được công khai trong nội bộ từng cấp uỷ đảng và trong từng cơ quan Đảng theo năm ngân sách nhà nước. Hằng năm, cơ quan tài chính đảng các cấp có trách nhiệm báo cáo quyết toán ngân sách năm trước và dự toán năm sau với cấp uỷ cấp mình.

- Uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ các cấp có trách nhiệm kiểm tra tài chính của cấp uỷ cấp dưới và của cơ quan tài chính cấp uỷ cùng cấp.

**60- Căn cứ Điều lệ Đảng và Quy định trên đây, Bộ Chính trị, Ban Bí thư được quy định về một số vấn đề khác theo thẩm quyền**

**61-** Ban Chấp hành Trung ương giao Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc nghiên cứu đề hướng dẫn những vấn đề thuộc về phương pháp, quy trình, thủ tục và nghiệp vụ để cụ thể hoá những quy định của Điều lệ Đảng, phù hợp với tình hình và yêu cầu thực tiễn của công tác xây dựng Đảng hiện nay.

Quy định này được ban hành trong hệ thống Đảng tới các chi bộ, có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Các tổ chức đảng và đảng viên có trách nhiệm thi hành.

Các quy định trước đây trái với nội dung Quy định này đều bãi bỏ./.

**T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG  
TỔNG BÍ THƯ**

(Đã ký)

**Nguyễn Phú Trọng**